

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

- Mã chứng khoán: VPD

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 024.22131580

- Fax: 024.35527987

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2023 (ngày 08/4/2024)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 08/04/2024 tại đường dẫn <http://vnpd.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

*Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2023 ngày 08/04/2023.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- P.TH (để đăng Web Cty; UBCKNN, HOSE;
cập nhật thông tin trên hệ thống ECM của
HOSE);
- Lưu: VT, PTH, VPHDQT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**


Nguyễn Tùng Phương



EVNDEVELOPMENT



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2023

MỤC LỤC

Phần I

Phần mở đầu

- Thông điệp của Ban lãnh đạo 6
- Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2019 – 2023 8
- Sự kiện tiêu biểu 2023 9

Phần II

Thông tin chung

- Thông tin khái quát 12
- Ngành nghề, địa bàn 16
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý 18
- Định hướng phát triển 20
- Các rủi ro 22

Phần III

Tình hình hoạt động trong năm

- Tình hình hoạt động SXKD 28
- Tổ chức và nhân sự 30
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án 34
- Tình hình tài chính 36
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 42

Phần IV

Báo cáo, đánh giá của Ban TGD

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 48
- Tình hình tài chính 50
- Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 54
- Kế hoạch phát triển trong tương lai 56
- Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) 63

Phần V

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty 66
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD 66
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT 68

Phần VI

Quản trị Công ty

- Hội đồng quản trị 72
- Ban kiểm soát 78
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát 80
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty 84

Phần VII

Báo cáo phát triển bền vững

- Giới thiệu báo cáo 88
- Mục tiêu phát triển bền vững 90
- Đánh giá của Ban TGD 90
- Các chỉ tiêu phát triển bền vững 94

Phần VIII

Báo cáo tài chính

PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Ban lãnh
đạo Công ty

[6]

Tóm tắt thông tin tài chính
giai đoạn 2019 – 2023

[8]

Những sự kiện tiêu biểu,
Danh hiệu, giải thưởng năm

2023

[9]

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



THÔNGIỆP của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam,

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin được gửi những lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý vị - những người đã dành nhiều tình cảm và tâm huyết, cùng đồng hành với Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam trong suốt những tháng năm qua.

Năm 2023 là năm kinh tế của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn do sức sản xuất của các doanh nghiệp, sức mua của người tiêu dùng chưa phục hồi vững chắc sau đại dịch COVID-19 cùng với đó, kinh tế - chính trị thế giới xảy ra nhiều bất ổn do tình hình chiến tranh căng thẳng leo thang trên nhiều nơi và vẫn chưa có dấu hiệu ổn định trở lại ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta vốn có độ mở cửa lớn. Tăng trưởng kinh tế năm 2023 của nước ta ước tính đạt 5,05%, thấp hơn so với năm 2022 (8,12%) và so với mục tiêu tăng trưởng đề ra (6,5%). Mức tăng trưởng kinh tế này chỉ cao hơn so với tăng trưởng kinh tế năm 2020 (2,87%) và 2021 (2,55%) là 2 năm nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch COVID-19 và tăng trưởng kinh tế ở mức thấp nhất trong giai đoạn kể từ năm 2011 đến nay.

Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu diễn ra trong cả nước khiến thiếu hụt nước nghiêm trọng tại các hồ Thủy điện tại phía Bắc, Bắc Trung Bộ gây ảnh hưởng lớn đến việc sản xuất kinh doanh của ngành Điện nói chung và Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (VPD) nói riêng.

Nhưng cũng chính trong năm 2023, vượt qua tất cả các khó khăn trên, tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên VPD tự hào tuyên bố đã đạt được nhiều điểm sáng vô cùng tích cực như: Hoàn thành xuất sắc vượt chỉ tiêu các kế hoạch, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2023; Thoát ra khỏi khó khăn về các vấn đề liên quan tới dòng tiền. Năm 2023, VPD đã nỗ lực hết mình hoàn thành vượt kế hoạch được giao, sản lượng điện thương phẩm 470,064 triệu kWh, đạt 102,49% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế vượt 13,21% kế hoạch. Những thành công trên là cơ sở để VPD tiến hành chi trả cổ tức với tỷ lệ 14% bằng tiền mặt, đây chính là sự bảo đảm của công ty với các cổ đông, các nhà đầu tư có thể yên tâm với sự phát triển của doanh nghiệp. Bên cạnh các công tác sản xuất kinh doanh, trong năm qua VPD cũng rất chú trọng vào các công tác "Chuyển đổi số", "Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí", công tác bảo vệ, an ninh quốc phòng, Phòng cháy chữa cháy v.v. và đạt nhiều kết quả tốt. Các công tác truyền thông và an sinh xã hội của VPD cũng rất được ban lãnh đạo công ty chú trọng và sát sao chỉ đạo, thành quả đạt được là trong năm 2023 Công ty không có bài truyền thông bất lợi nào, nhiều hoạt động tích cực của 3 nhà máy trong hoạt động sản xuất kinh doanh và an sinh xã hội được các cơ quan truyền thông viết bài, đưa tin giúp hình ảnh và uy tín của doanh nghiệp trong mắt công chúng được nâng cao.

Thưa Quý vị thân mến, chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đối với sự tin yêu, đồng hành và chia sẻ của Quý Cổ đông và Đối tác. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ quý báu của Quý vị để chúng ta có thể cùng vững bước trên con đường phát triển của Công ty, nâng tầm thương hiệu và gia tăng lợi ích lâu dài cho Quý Cổ đông.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết sẽ phấn đấu hết mình vì sự nghiệp phát triển bền vững của VPD. Xin kính chúc Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư và toàn thể Cán bộ công nhân viên sức khỏe và thành công!

Trân trọng cảm ơn!

**Ban lãnh đạo
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**



TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2019 – 2023

Chỉ tiêu	2023	2022	2021	2020	2019
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	541,885	681,347	568,568	455,199	483,974
Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	279,063	402,505	298,381	204,958	230,320
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	220,021	330,083	192,298	93,768	111,787
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	190,500	284,019	164,086	80,429	96,795
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.787	2.508	1.539	755	908
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tổng tài sản (tỷ đồng)	1.816,804	2.005,785	2.069,164	2.160,928	2.277,438
Nợ phải trả (tỷ đồng)	248,536	472,935	704,808	892,780	1.032,505
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	1.568,268	1.532,850	1.364,355	1.268,147	1.244,933
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU					
Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần (%)	35,15%	41,68%	28,86%	17,67%	20,00%
Thu nhập trên tổng tài sản bình quân (ROAA) (%)	9,97%	13,94%	7,76%	3,62%	4,07%
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) (%)	12,29%	19,61%	12,47%	6,40%	7,71%

Những sự kiện tiêu biểu, danh hiệu, giải thưởng năm 2023



541,8 tỷ VNĐ
DOANH THU THUẦN

220,0 tỷ VNĐ
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



1.816,8 tỷ VNĐ
TỔNG TÀI SẢN
(tại ngày 31/12/2023)

190,5 tỷ VNĐ
LỢI NHUẬN SAU THUẾ



1.568,2 tỷ VNĐ
VỐN CSH (tại ngày 31/12/2023)

123 nhân viên



3 Nhà máy
thủy điện

Năm 2023, VPD tự hào nhận được hai giải thưởng lớn, bao gồm:

- Bằng khen của Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp
- Tập thể lao động xuất sắc của Tập Đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

[12]

Định hướng phát triển

[20]

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

[16]

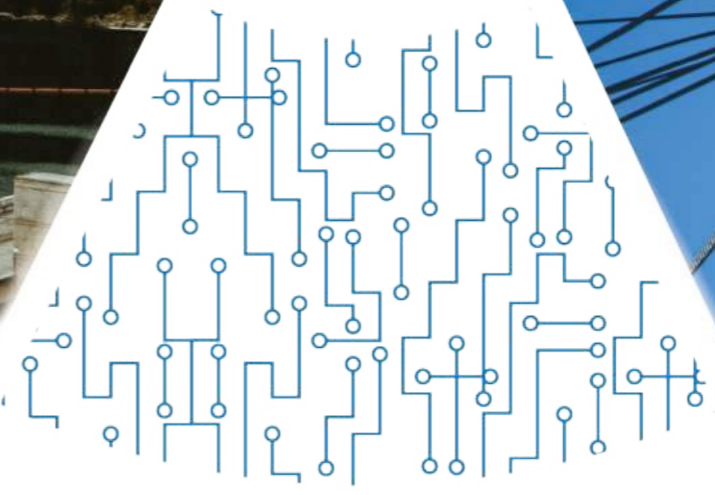
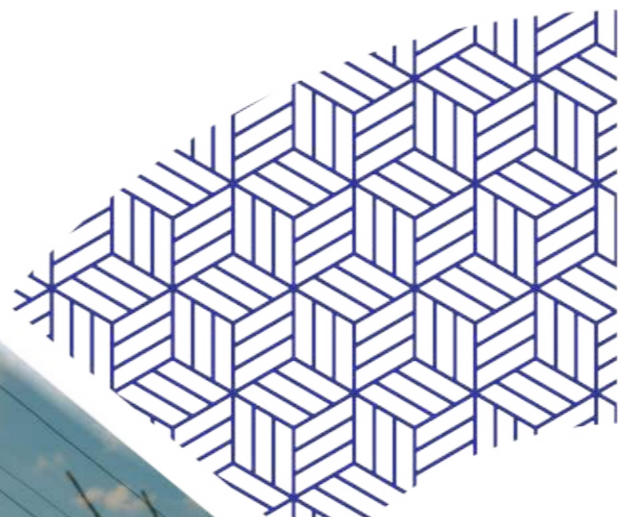
Các rủi ro

[22]

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

[18]

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



Thông tin khái quát

Tên Tiếng Việt	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam		
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	<ul style="list-style-type: none">▸ Mã số doanh nghiệp: 0101264520▸ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103001110 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 16 số 0101264520 ngày 13/12/2023		
Vốn điều lệ	1.065.896.290.000 đồng	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.065.896.290.000 đồng
Địa chỉ trụ sở chính	Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam		
Điện thoại	024.22131580	Fax	024.35527987
Mã cổ phiếu	VPD	Website	http://www.vnpd.com.vn

Chặng đường hình thành và phát triển

2002

2002

Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm (i) Tổng Công ty điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam); (ii) Tổng Công ty xây dựng số 1- Bộ Xây dựng (Công ty Cổ phần Miền Đông); (iii) Công đoàn Điện lực Việt Nam; (iv) Công ty sản xuất Thiết bị điện (Nay là Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh-Công ty Cổ phần); (v) Công ty Tư vấn Xây dựng điện 2 (nay là Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2). Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất, bán điện. Vốn điều lệ đăng ký là 13,7 tỷ đồng

2003

Công ty nhận chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Nậm Má (nằm trên địa bàn xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang) từ Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang theo Quyết định số 627/QĐ – UB ngày 04/3/2003. Nhà máy có công suất 3,2 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 1,6 MW)

2004

Công ty khởi công xây dựng dự án Nhà máy thủy điện Bắc Bình có công suất 33 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 16,5 MW). Đây là dự án nhóm B và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cho phép đầu tư tại văn bản số 4260/UBBT – XD/CB ngày 05/12/2003. Nhà máy bắt đầu phát điện từ ngày 27/10/2009

2023

2017

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định Niêm yết số 482/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

2009

Công ty thành lập Trung tâm tư vấn thiết kế trực thuộc Công ty theo Quyết định số 09/QĐ-VNPD-HĐQT. Trung tâm có chức năng nhiệm vụ chính là tư vấn thiết kế các hạng mục công trình do Công ty làm chủ đầu tư, tư vấn cho các đơn vị ngoài với mục đích tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tìm kiếm thêm nguồn thu về cho Công ty

2007

Công ty khởi công dự án Nhà máy thủy điện Khe Bố tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, công suất 100 MW, gồm 2 tổ máy (mỗi tổ máy có công suất 50 MW). Đây là dự án nhóm A và được Chính phủ cho phép đầu tư tại văn bản số 1793/TTg – CN ngày 07/11/2006, trong công văn có nêu "Dự án được thực hiện theo Điều 4 Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để đầu tư xây dựng các công trình điện cấp bách trong giai đoạn 2006 - 2010". Tổ máy số 1 phát điện từ ngày 08/5/2013, Tổ máy số 2 phát điện từ ngày 24/8/2013

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

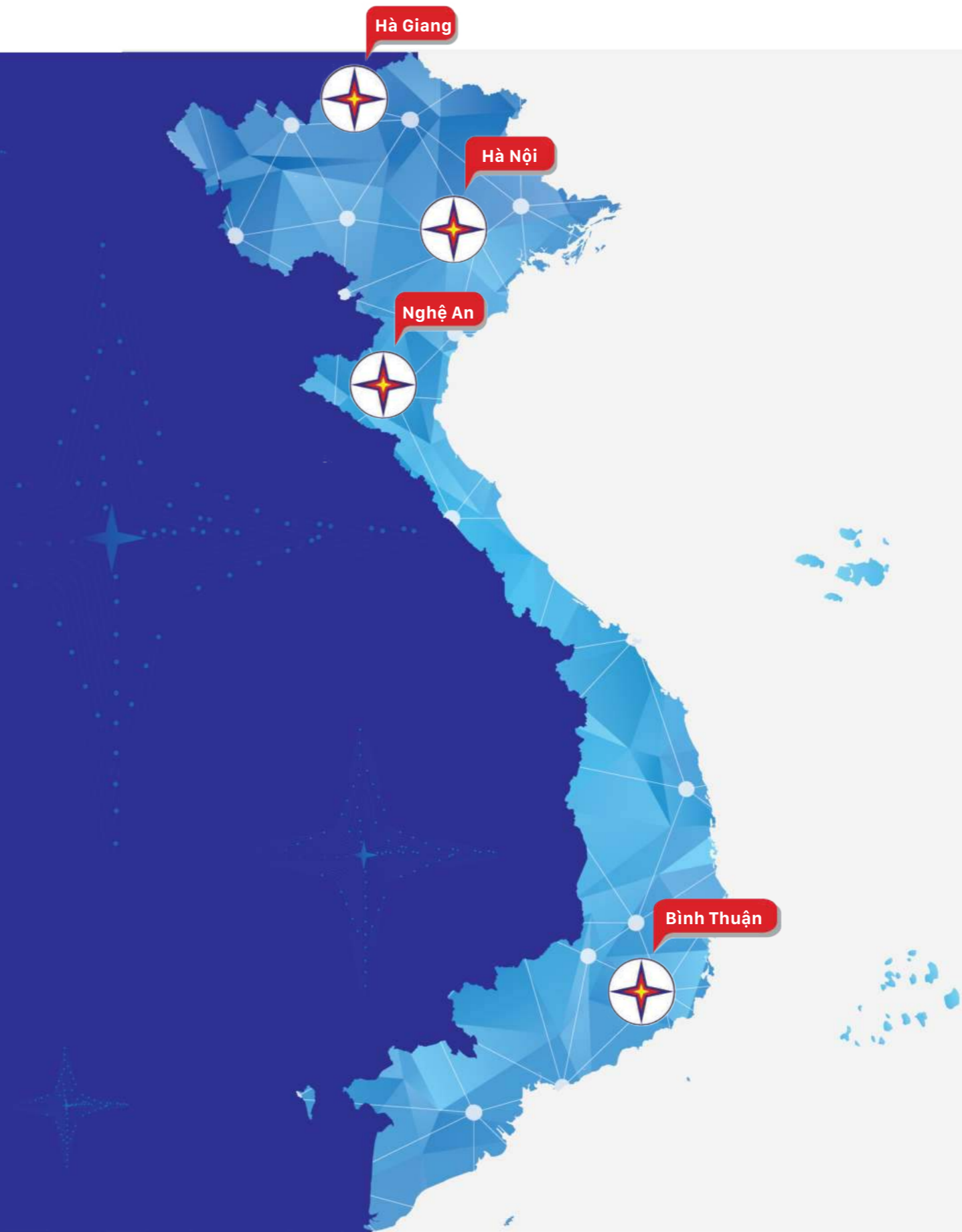
Địa bàn kinh doanh

Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đang quản lý 03 nhà máy và 01 Trung tâm tư vấn thiết kế, cụ thể như sau:

- Trụ sở văn phòng: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.
- Các chi nhánh:
 - Nhà máy Thủy điện Nậm Má tại xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.
 - Nhà máy Thủy điện Bắc Bình tại thôn Suối Nhuôm, xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.
 - Nhà máy Thủy điện Khe Bó tại xã Tam Quang, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.
 - Trung tâm tư vấn thiết kế: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh chính

Lĩnh vực chính: Trong năm 2023, hoạt động kinh doanh chính của công ty là sản xuất điện



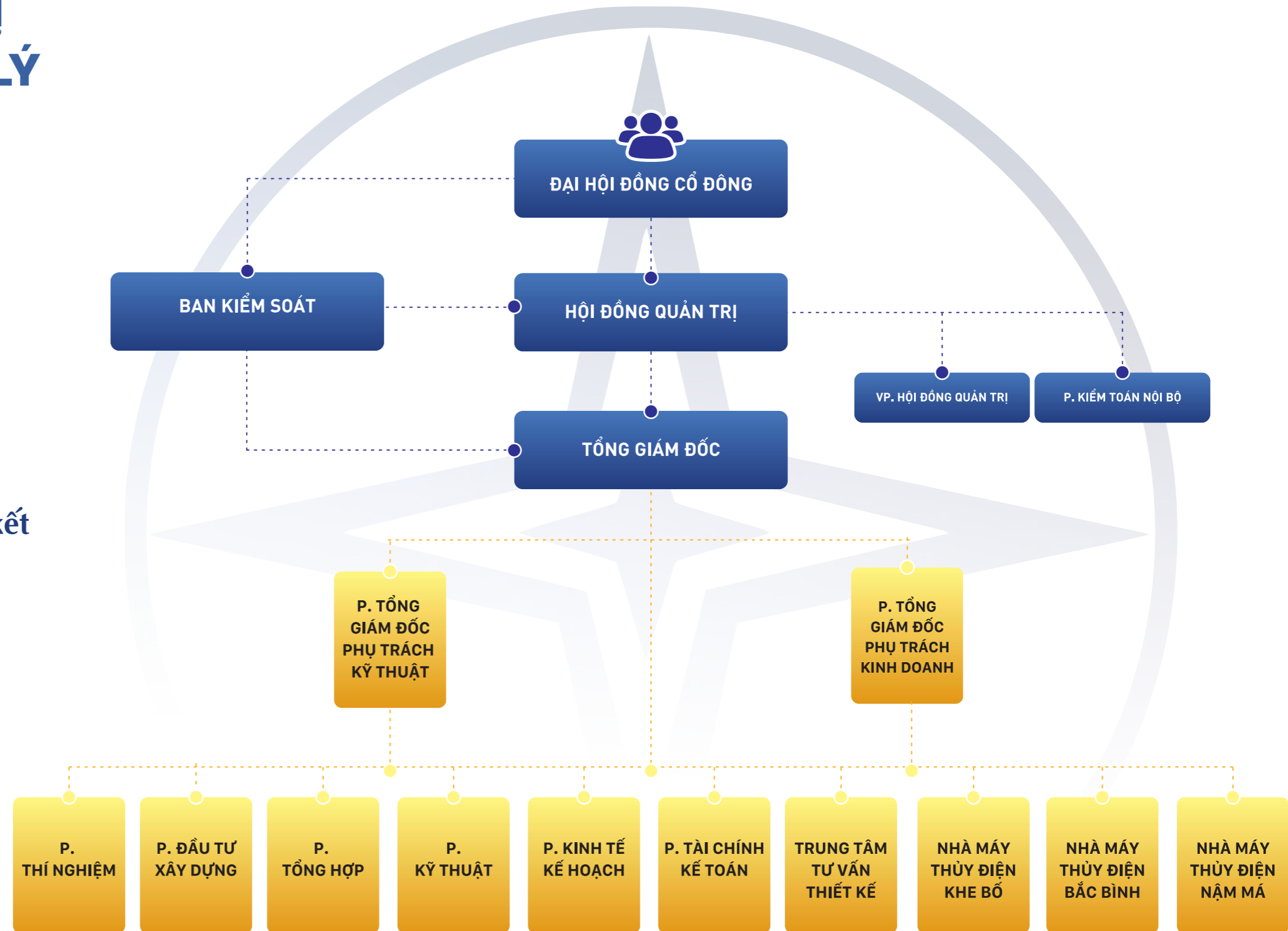
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị. Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

- Đảm bảo sản xuất điện an toàn, ổn định, hoàn thành kế hoạch được ĐHQĐĐ giao. Thực hiện tốt công tác chào giá điện cạnh tranh của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bó;
- Tiếp tục công tác đào tạo cán bộ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đảm bảo vận hành các tổ máy một cách độc lập, an toàn và liên tục không để xảy ra sự cố;
- Sửa chữa các tổ máy của các Nhà máy điện đúng tiến độ, đảm bảo vận hành tin cậy;
- Thực hiện các hợp đồng với đơn vị ngoài Công ty thuộc các ngành nghề được pháp luật cho phép để tăng doanh thu cho Công ty;
- Tìm kiếm đầu tư mới các dự án thủy điện và các dạng năng lượng khác.

Định hướng phát triển trung và dài hạn

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QHĐ VIII).

Phương án phát triển nguồn điện: Đến năm 2030, tổng công suất các nhà máy điện phục vụ nhu cầu trong nước đạt 150,49 GW (không bao gồm xuất khẩu, điện mặt trời mái nhà hiện hữu, năng lượng tái tạo để sản xuất năng lượng mới) (trong đó NĐ than: 20%; NĐ khí 24,8%; thủy điện 19,5%; điện gió, MT và NLTT khác 28,5%, nhập khẩu khoảng 3,3%; thủy điện tích năng và các loại thiết bị lưu trữ năng lượng khác khoảng gần 4%); năm 2050, tổng công suất các nhà máy điện phục vụ nhu cầu trong nước đạt 490,53 – 573,13GW (không bao gồm xuất khẩu, điện mặt trời mái nhà hiện hữu, năng lượng tái tạo để sản xuất năng lượng mới) (trong đó NĐ than: 0%; NĐ khí 6,7-8,4%; thủy điện 6,3-7,3%; điện gió, MT và NLTT khác trên 60,5-65%; nhập khẩu khoảng gần 1,9-2,3%; nguồn điện lưu trữ, điện đồng phát, Nhiệt điện sử dụng sinh khối và amoniac, nguồn điện linh hoạt 17,8-23,5%). Cơ cấu nguồn điện cho thấy QHĐ VIII khuyến khích phát triển mạnh mẽ NLTT (ngoài thủy điện), từ khoảng 28,5% năm 2030 và 60,5-65% năm 2050. Đây là xu hướng phù hợp với sự phát triển của trên thế giới.

Với tiềm năng phát triển nguồn điện năng như trên Công ty tiếp tục tìm kiếm đầu tư các dự án năng lượng điện sạch như điện mặt trời, điện gió... và thủy điện là định hướng trung và dài hạn của Công ty.

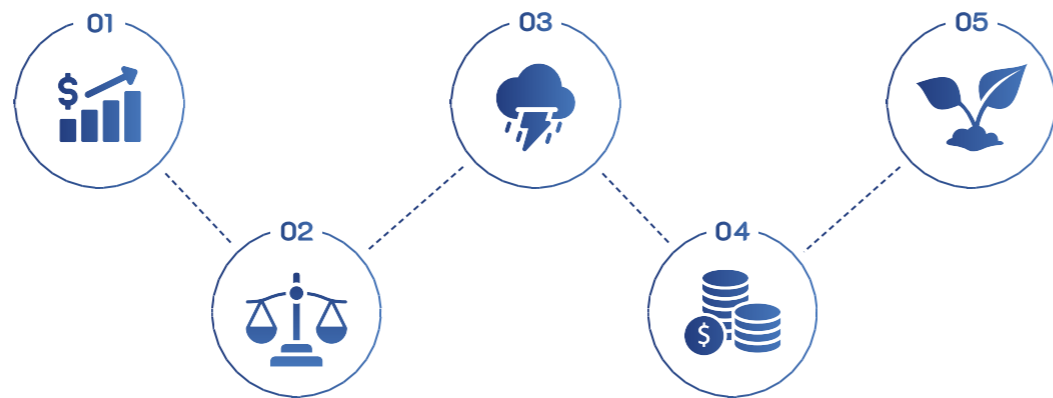


Các mục tiêu phát triển bền vững

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các nhà máy thủy điện Khe Bó, Bắc Bình và Nậm Mả do Công ty quản lý đều thực hiện đúng các quy định của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Hằng năm các nhà máy thực hiện quan trắc giám sát chất lượng nước, môi trường không khí môi trường lao động đầy đủ.

Bên cạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty luôn thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Nộp thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng, nộp tiền trồng rừng, luôn đóng góp tích cực cho các hoạt động ủng hộ, hỗ trợ, an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa.

CÁC RỦI RO



01

RỦI RO KINH TẾ

Môi trường kinh tế với những yếu tố khách quan như tốc độ tăng trưởng, chỉ số lạm phát, lãi suất... có thể tạo ra những tác động trực tiếp đến sự phát triển của các doanh nghiệp. Với hoạt động kinh doanh chính là đầu tư phát triển nguồn điện, đảm bảo cung cấp kịp thời và đủ sản lượng điện theo nhu cầu của Hệ thống điện quốc gia với chất lượng điện năng và độ ổn định cao, Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi tác động của nền kinh tế vĩ mô. Khi kinh tế tăng trưởng, cùng với chính sách thu hút đầu tư của Việt Nam như hiện nay sẽ kéo theo nhu cầu về điện năng tăng cao, đặc biệt là nhu cầu của các khu công nghiệp. Ngược lại, trong giai đoạn nền kinh tế suy giảm, quy mô đầu tư giảm, tăng trưởng ở khu vực công nghiệp bị tác động tiêu cực dẫn đến nhu cầu điện năng sụt giảm mạnh.

02

RỦI RO PHÁP LÝ

VPD là một pháp nhân được thành lập tại Việt Nam, hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, cùng với đặc điểm về ngành nghề nên chịu sự chi phối của các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực,... và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra, vì là công ty đại chúng Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các văn bản liên quan.

Đáp ứng lộ trình hội nhập toàn cầu và những thay đổi của nền kinh tế, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam đang ở giai đoạn đổi mới mạnh mẽ, vừa tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, vừa là những thách thức trước sự cạnh tranh của một sân chơi rộng mở hơn. Ban lãnh đạo và các bộ phận chuyên môn luôn nghiên cứu kỹ các vấn đề pháp lý nhằm đảm bảo các hoạt động cũng như định hướng, chiến lược phát triển của công ty tuân thủ đúng quy định có liên quan.

03

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro môi trường, thời tiết

Đối với VPD, sản xuất kinh doanh chủ yếu hiện tại là nhà máy thủy điện, do đó diễn biến thời tiết ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD của Công ty. Đây là một rủi ro đặc thù đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện nói chung và VPD nói riêng. Lượng mưa là một trong những nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước sự biến đổi khí hậu, công việc dự báo thời tiết trở nên khó khăn hơn, từ đó ảnh hưởng việc dự báo và kế hoạch lợi nhuận của các công ty thủy điện. Với vị trí địa lý nằm ở khu vực nhiệt đới gió mùa ẩm, lượng mưa hàng năm lớn, Việt Nam có yếu tố thuận lợi để phát triển thủy điện; tuy nhiên những khó khăn trong việc dự báo thời tiết dẫn đến một rủi ro đặc thù của ngành này đó là việc đánh giá sai nguồn nước của các hồ thủy điện; việc đánh giá sai này có thể dẫn tới việc các hồ trong tình trạng mực nước xuống

thấp thậm chí cạn kiệt khi mùa khô kéo dài, nhưng khi xảy ra mưa lũ mực nước dâng cao nhanh chóng vượt quá mực nước dâng bình thường của các đập thủy điện dẫn đến việc phải tiến hành xả lũ.

Bên cạnh đó, NMTĐ Khe bố là nhà máy lớn nhất của Công ty, tuy nhiên hồ chứa của nhà máy chỉ điều tiết được dưới 2 ngày, do đó việc phát điện không được chủ động, đặc biệt khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh. Hơn nữa, việc vận hành còn phụ thuộc vào lệnh điều độ từ Trung tâm điều độ Hệ thống điện quốc gia (A0).

Rủi ro về nguồn năng lượng thay thế

Hiện nay trên thế giới, các nhà khoa học đã tìm ra rất nhiều nguồn năng lượng thay thế mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng hạt nhân, thậm chí cả những nguồn năng lượng từ các loại khí. Tuy nhiên, thủy điện vẫn giữ vai trò cực kỳ quan trọng đặc biệt tại Việt Nam. Lợi ích lớn nhất của thủy điện là hạn chế được giá thành nhiên liệu. Ngoài ra, các nhà máy thủy điện cũng có tuổi thọ lớn hơn các nhà máy nhiệt điện và chi phí nhân công thấp hơn. Trước tình hình kinh tế và tiến bộ khoa học công nghệ còn nhiều hạn chế, lợi dụng ưu thế về vị trí địa lý và thiên nhiên của mình, Việt Nam vẫn đang là quốc gia chú trọng thủy điện – cộng hưởng phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Do đó, VPD với định hướng phát triển đúng đắn và đội ngũ nhiều kinh nghiệm của mình cũng đang nỗ lực để trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành công nghiệp sản xuất điện năng tại thị trường Việt Nam.

Rủi ro về điều chỉnh giá bán điện

Giá bán điện của nhà máy thủy điện Khe Bố và Bắc Bình đã được thực hiện theo các hợp đồng mua bán điện ký kết với EVN. Nhà máy thủy điện Nậm Má được thực hiện theo giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết điện lực phê duyệt hằng năm. Do đó giá bán điện của công ty có tính ổn định cao. Giá bán điện đối với Nhà máy thủy điện Khe Bố và Bắc Bình chỉ thay đổi khi tham gia thị trường điện.

04

RỦI RO LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro khá phổ biến mà các doanh nghiệp cũng như những ngân hàng, tổ chức tài chính phải đối mặt và nó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và tài sản của tổ chức. VPD cũng không phải ngoại lệ khi phải đối mặt với rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Nhằm giảm thiểu tác động từ rủi ro lãi suất, VPD thường xuyên chủ động theo dõi tình hình biến động của lãi suất, cân đối tỷ lệ vay nợ, từ đó đưa ra kế hoạch vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động sản xuất và kiểm soát rủi ro về lãi suất một cách tốt nhất.

05

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Cụ thể việc xả lũ ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân, gây ra các thiệt hại kinh tế nghiêm trọng. Nếu xảy ra kiện tụng, có thể các công ty thủy điện sẽ phải tiến hành đền bù cho người dân, số tiền đền bù sẽ rất lớn, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của các công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản
xuất kinh doanh
[28]

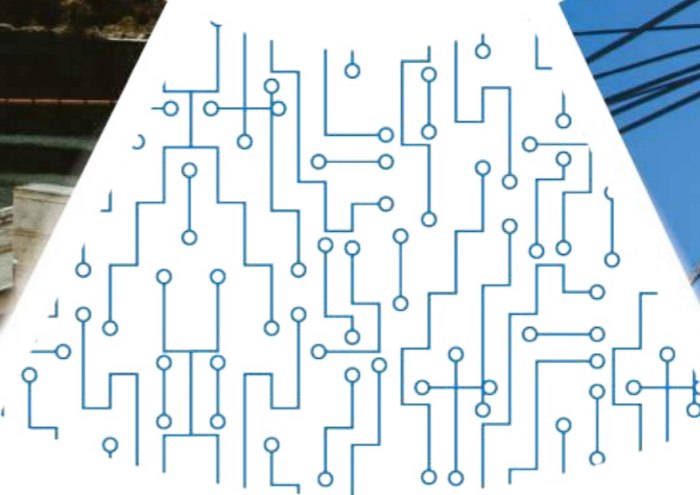
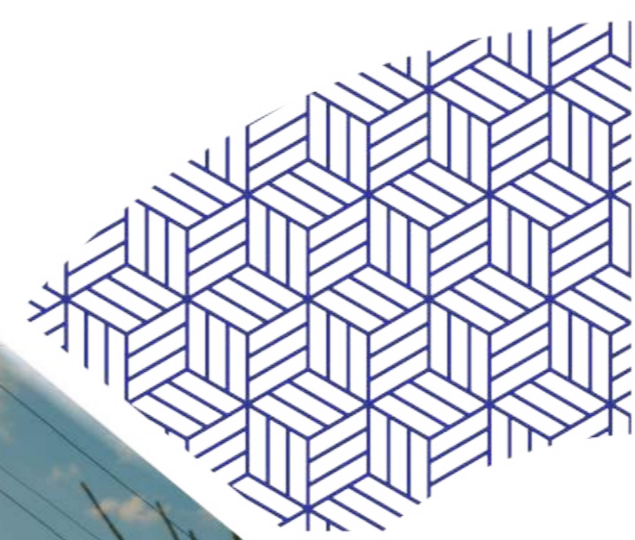
Tổ chức và nhân sự
[30]

Tình hình đầu tư, tình hình
thực hiện các dự án
[34]

Tình hình tài chính
[36]

Cơ cấu cổ đông, thay
đổi vốn đầu tư của chủ
sở hữu
[42]

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2023**



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2023 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/4/2023 (Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 657/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023), tính đến ngày 31/12/2023, kết quả thực hiện đạt được các chỉ tiêu chủ yếu sau đây.

STT	Nội dung	ĐVT	KH 2023	TH 2023	% HTKH
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	458,646	470,065	102,49
2	Đầu tư xây dựng	Tỷ Đồng	33,553	13,309	39,67
2.1	Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bố	Tỷ Đồng	7,200	0,600	8,33
2.2	Đầu tư từ quỹ ĐTPT	Tỷ Đồng	26,353	12,709	48,23
3	Doanh thu	Tỷ Đồng	524,632	544,680	103,82
3.1	Doanh thu sản xuất điện	Tỷ Đồng	524,132	541,885	103,39%
3.2	Doanh thu, thu nhập khác	Tỷ Đồng	0,500	2,795	559,06
4	Chi phí	Tỷ Đồng	340,633	324,659	95,31
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	161,513	190,500	117,95
6	Cổ tức (*)	%	14	14	100

(*): Cổ tức thực hiện năm 2023 Công ty đang dự kiến chi trả cho các Cổ đông với tỷ lệ 14% bằng tiền. Tỷ lệ chi trả chính thức sẽ căn cứ vào kết quả thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của VPD.

Công tác sản xuất điện

Trong năm 2023 các nhà máy vận hành ổn định, an toàn theo điều độ của A0 và Điện lực Hà Giang. Đến hết ngày 31/12/2023 sản lượng điện thương phẩm toàn Công ty đạt 470.064.936 kWh/458.646.096 kWh tương đương 102,49% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông duyệt cụ thể như sau:

	Sản lượng điện thương phẩm (kWh)		Tỷ lệ hoàn thành so với KH (%)
	Kế hoạch	Thực hiện	

- Thủy điện Nậm Má	13.000.000	14.198.903	109,22
- Thủy điện Bắc Bình	82.156.622	103.880.326	126,44
- Thủy điện Khe Bố	363.489.474	351.985.707	96,84
Tổng sản lượng toàn VPD	458.646.096	470.064.936	102,49

Đánh giá: Năm 2023, Nhà máy thủy điện Nậm Má, Bắc Bình hoàn thành vượt kế hoạch sản lượng. Nhà máy thủy điện Khe Bố không hoàn thành kế hoạch do ảnh hưởng của El Nino trong tháng 6, 7 lượng nước về hồ thấp hơn nhiều so với kế hoạch. Trong năm 2023 trên hệ thống sông Cả chỉ xuất hiện 02 đợt lũ (cuối tháng 8 và cuối tháng 10), lưu lượng nước về trung bình nhà máy thủy điện Khe Bố năm 2023 là 217 m3/s tương đương tần suất 57,87%.

Doanh thu

Doanh thu năm 2023 của Công ty thực hiện đạt 544,680/524,632 tỷ đồng, đạt 103,82% kế hoạch. Trong đó:

- Doanh thu sản xuất điện: 541,885/524,132 tỷ đồng, tương đương 103,39% kế hoạch năm.
- Doanh thu, thu nhập khác: 2,795/0,500 tỷ đồng, tương đương 559,06% kế hoạch năm.

Chi phí

Kế hoạch chi phí năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thông qua với giá trị là 340,633 tỷ đồng. Chi phí thực hiện của Công ty là 324,659 tỷ đồng tương đương 95,31% kế hoạch.

Lợi nhuận và cổ tức

- Lợi nhuận: Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2023 Công ty được giao là 161,513 tỷ đồng. Năm 2023 thực hiện lợi nhuận sau thuế đạt là 190,500 tỷ đồng, tương ứng 117,95% kế hoạch năm.
- Cổ tức năm 2023: Với lợi nhuận đạt được như trên, sau khi trích lập các quỹ theo quy định, Công ty dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt cổ tức năm 2023 là 14,0% đạt 100,00% kế hoạch.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

01 Ông NGÔ QUỐC HUY



- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc (Được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc từ ngày 01/05/2023)
- **Năm sinh:** 09/06/1982
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Hệ thống điện
- **Số cổ phần đại diện sở hữu từ 10/04/2023:** Đại diện sở hữu cho Tổng công ty Phát điện I: 15.624.894 cổ phần, chiếm 14,659% Vốn Điều lệ
- **Số cổ phần cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn Điều lệ

02 Ông NGUYỄN THANH TÙNG



- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc (Đã nghỉ chế độ từ 01/05/2023)
- **Năm sinh:** : 06/07/1962
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ chuyên ngành Công trình thủy điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- **Số cổ phần đại diện sở hữu đến 09/04/2023:** Đại diện sở hữu cho Tổng công ty Phát điện I: 15.624.894 cổ phần, chiếm 14,659% Vốn Điều lệ
- **Số cổ phần cá nhân sở hữu:** 625.474 cổ phần, chiếm 0,59% Vốn Điều lệ

03 Ông PHẠM ĐÌNH LÊ



- **Chức vụ:** Phó Tổng giám đốc Kỹ thuật
- **Năm sinh:** 13/01/1978
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư địa chất công trình, kỹ sư hệ thống điện
- **Số cổ phần đại diện sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn Điều lệ
- **Số cổ phần cá nhân sở hữu:** 213 cổ phần, chiếm 0,0002% vốn Điều lệ

04 Ông NGUYỄN TÙNG PHƯƠNG



- **Chức vụ:** Phó Tổng giám đốc Kinh doanh
- **Năm sinh:** 01/3/1977
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- **Số cổ phần đại diện sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn Điều lệ
- **Số cổ phần cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ

Những thay đổi trong Ban Điều hành

- Ngày 01/01/2023: Bổ nhiệm ông Nguyễn Tùng Phương - Kế toán trưởng Công ty giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh Công ty.
- Ngày 01/5/2023: Bãi nhiệm ông Nguyễn Thanh Tùng - Tổng giám đốc (nghỉ chế độ)
- Ngày 01/5/2023: Bổ nhiệm ông Ngô Quốc Huy - TV.HĐQT giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty
- Ngày 01/01/2024: Bổ nhiệm bà Bùi Thị Thu Trang - Trưởng phòng Tài chính kế toán giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tại thời điểm 31/12/2023, số lượng người lao động trong Công ty (bao gồm người quản lý chuyên trách) là 123 người, trong đó:



STT	Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó chia theo trình độ đào tạo					Trong đó		
			Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Công nhân kỹ thuật	Lái xe	Khác	Lao động khoán	Lao động nữ
1	Người quản lý chuyên trách	5	2	3						0
2	Văn phòng Công ty	42	8	28	0	0	3	2	1	21
3	Nhà máy thủy điện Nậm Má	11	0	7	3	1	0	0	0	2
4	Nhà máy thủy điện Khe Bố	36	0	15	15	4	2	0	1	6
5	Nhà máy thủy điện Bắc Bình	29	0	15	6	5	3	0	1	7
Tổng cộng:		123	10	68	24	10	8	2	3	36
Tỷ lệ (%)			8,13	55,28	19,51	8,13	6,50	1,62	2,44	29,26

Chính sách liên quan đến người lao động

Là một đơn vị sản xuất kinh doanh điện, vấn đề an toàn trong lao động sản xuất là một yếu tố luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu. Ngoài việc luôn chấp hành tuân thủ đúng các chính sách và quy định của Nhà nước, pháp luật về việc quản lý và sử dụng lao động, Công ty còn ban hành các quy trình, quy định có liên quan đến việc đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động cũng như thường xuyên tổ chức đào tạo, hướng dẫn và theo dõi công tác an toàn lao động tại nơi sản xuất.

Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động, nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động có chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty. Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng

các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình của Công ty.

Công ty thường xuyên tổ chức và cử cán bộ đi học tập các khóa học ngắn và dài hạn nhằm nâng cao kiến thức, nghiệp vụ và tay nghề. CBCNV các phòng nghiệp vụ được cử theo học các khóa đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng điều hành, quản lý. Các cấp quản lý, lãnh đạo của Công ty được tạo điều kiện để tham dự vào các cuộc hội thảo, các buổi nói chuyện chuyên đề về các lĩnh vực liên quan.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Giá trị đầu tư xây dựng năm 2023 là 13,309 tỷ đồng/33,553 tỷ đồng, tương đương 39,67% kế hoạch năm. Cụ thể như sau:

Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó

Công tác thực hiện dự án

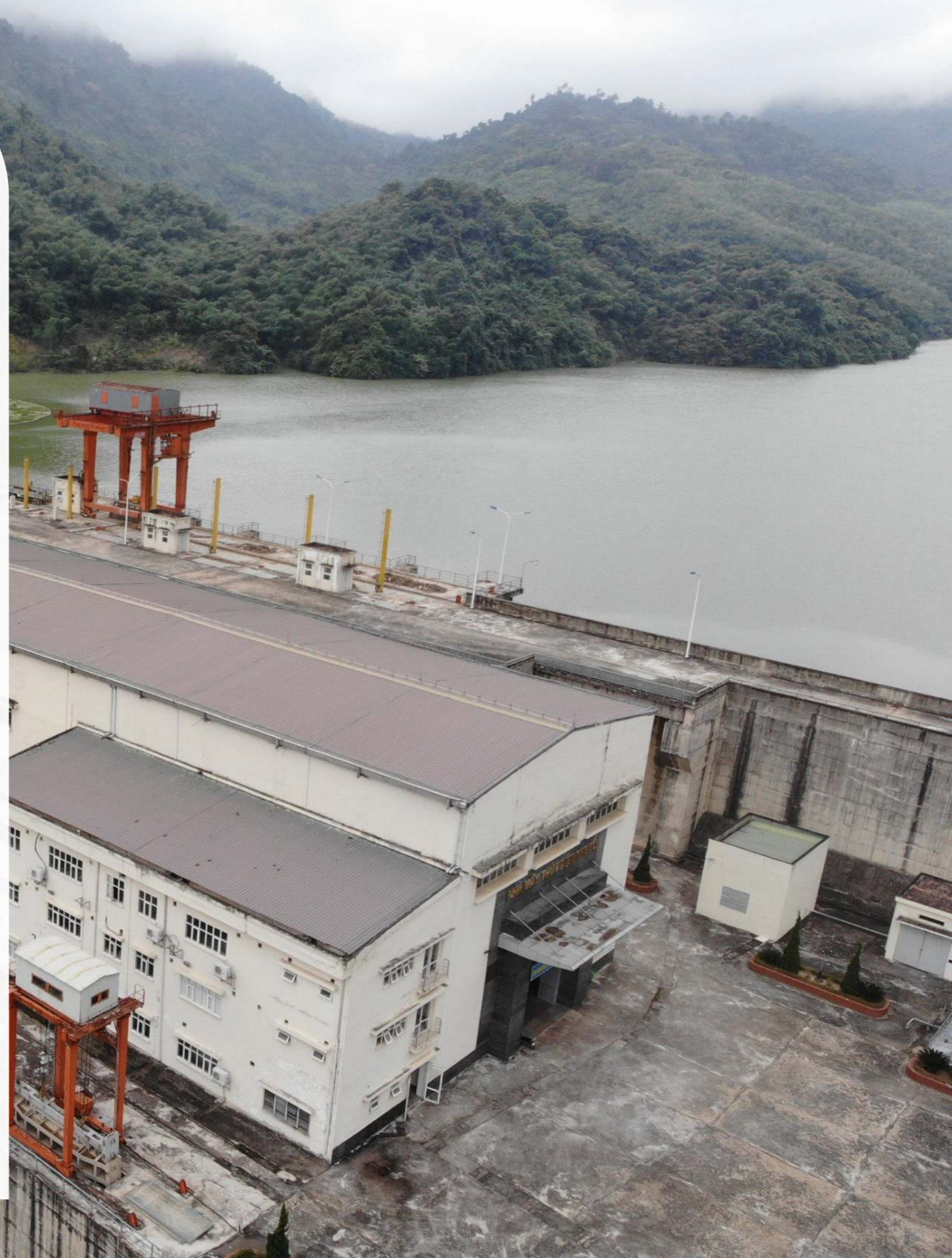
Dự án thủy điện Khe Bó được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại văn bản số 1793/TTg-CN ngày 17/11/2006, là công trình đợt 2 trên hệ thống bậc thang thủy điện sông Cả, hạ lưu thủy điện Bản Vẽ; Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư tại văn bản số 90/TB-BCN ngày 02/4/2007. Dự án được khởi công xây dựng năm 2007 và vận hành phát điện năm 2013.

Để triển khai thực hiện công tác bồi thường, di dân tái định cư của dự án UBND tỉnh Nghệ An đã có quyết định 4026/QĐ-UBND.CN XD ngày 18/8/2009 phê duyệt dự án tổng thể hợp phần bồi thường, GPMB, di dân và tái định cư công trình thủy điện Khe Bó và quyết định số 4027/QĐ-UBND.CN XD ngày 18/8/2009 phê duyệt quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng công trình thủy điện Khe Bó. Trên cơ sở đó, chủ đầu tư đã phối hợp với UBND huyện Tương Dương; Hội đồng BTGPMB tổ chức thực hiện đến nay về cơ bản công tác bồi thường, GPMB, di dân tái định cư của dự án đã hoàn thành.

Năm 2023, UBND tỉnh Nghệ An đã thành lập Ban chỉ đạo do Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban để giải quyết các tồn tại còn lại trong công tác bồi thường, GPMB, di dân tái định cư của dự án. Hiện tại các bên đang tích cực phối hợp để tiếp tục thực hiện các công việc còn lại.

Công tác quyết toán

- Tổng Công ty Phát điện 1 đã hoàn thành thẩm tra và trình EVN quyết toán giai đoạn 1 của dự án.
- Tiếp tục phối hợp các bên liên quan hoàn thiện hồ sơ quyết toán các hạng mục giai đoạn 2.





Đầu tư phát triển

Mua sắm bằng vốn ĐTPT

Trong năm 2023, Công ty triển khai các nội dung công việc của 12/14 danh mục trong đó: Hoàn thành 05/14 danh mục; 03/14 danh mục thực hiện dở dang tiếp tục thực hiện kéo dài sang năm 2024; 04/14 danh mục đang chuẩn bị các công việc trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư chuyển tiếp sang năm 2024; 02 danh mục của Nhà máy Thủy điện Nậm Má chuyển tiếp sang năm 2024 được đưa vào dự án nâng cấp, cải tạo tổng thể nhà máy.

Nghiên cứu đầu tư dự án đầu tư mới

Trên cơ sở quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg, trong năm, Công ty đã không ngừng tìm kiếm, nghiên cứu dự án mới phục vụ đầu tư.

Một số dự án Công ty đã và đang nghiên cứu: Dự án Nhà máy điện sinh khối Tư Nghĩa tỉnh Quảng Ngãi (50MW), Dự án Thủy điện cột nước thấp tỉnh Phú Thọ (105MW)... bước đầu cũng đã có những kết quả nhất định phục vụ định hướng đầu tư của Công ty trong các năm tiếp theo.

Tổng giá trị đầu tư phát triển thực hiện trong năm 2023 là 12,709 tỷ đồng.

Đánh giá: Năm 2023, Công ty đã có nhiều cải thiện và tiến triển trong công tác thực hiện các danh mục ĐTPT, tuy nhiên tỷ lệ hoàn thành còn thấp, khối lượng công việc phải chuyển tiếp sang năm sau còn nhiều.

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/Giảm	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	2.005.785.945.796	1.816.804.995.100	(188.980.950.696)	-9,42%
Doanh thu thuần	681.347.518.319	541.884.685.591	(139.462.832.728)	-20,47%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	318.668.441.226	218.818.118.987	(99.850.322.239)	-31,33%
Lợi nhuận khác	11.415.237.035	1.203.274.771	(10.211.962.264)	-89,46%
Lợi nhuận trước thuế	330.083.678.261	220.021.393.758	(110.062.284.503)	-33,34%
Lợi nhuận sau thuế	284.019.227.481	190.499.505.385	(93.519.722.096)	-32,93%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	13,00%	14,00%	1,00%	7,69%



1.816,8 tỷ VNĐ
TỔNG TÀI SẢN NĂM 2023



190,5 tỷ VNĐ
LỢI NHUẬN SAU THUẾ 2023



541,8 tỷ VNĐ
DOANH THU THUẦN 2023



14%
TỶ LỆ TRẢ CỔ TỨC 2023
(DỰ KIẾN)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ số tài chính	2022	2023	Ghi chú
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,926	1,492	
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	0,922	1,484	
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,236	0,137	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,309	0,158	
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK bình quân)	224,292	199,276	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,334	0,284	
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỢI			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,417	0,352	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,185	0,121	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,142	0,105	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,468	0,404	

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Kết thúc năm 2023, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty lần lượt đạt 1,492 và 1,484. Việc cả 2 chỉ số này đồng loạt tăng khá mạnh so với cùng kỳ năm 2022, cộng với việc các chỉ số này duy trì đạt trên ngưỡng tiêu chuẩn (1) là một dấu hiệu cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong 1 năm của Công ty đã được cải thiện hơn nhiều và khả năng này được đảm bảo ngay cả khi không cần phải thanh lý hàng tồn kho.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Năm 2023, nợ phải trả chỉ chiếm 13,7% tổng tài sản và chiếm 15,8% vốn chủ sở hữu, đồng loạt giảm so với mức tương ứng trong năm 2022 là 23,6% và 30,9%. Sự thay đổi trong cơ cấu vốn này cho thấy doanh nghiệp tiếp tục giảm bớt tỷ lệ đòn bẩy tài chính và làm gia tăng khả năng tự chủ tài chính cũng như sẵn sàng đương đầu với những khó khăn, thách thức trong năm 2024, chủ động trước những biến động trong trường hợp môi trường kinh doanh thay đổi.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Do là một Doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất điện, do vậy, số dư hàng tồn kho các năm của Công ty là rất ít, điều này dẫn tới việc chỉ tiêu Vòng quay hàng tồn kho của Công ty hằng năm không thể hiện được quá nhiều ý nghĩa. Một mặt khác, hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân trong năm 2023 của Công ty ghi nhận mức sụt giảm nhẹ, đạt mức 28,4% cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản dù có đôi chút sụt giảm, vẫn đang được duy trì ở mức ổn định.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2023, mặc dù đại dịch Covid-19 đã qua đi tuy nhiên những hệ quả mà nó để lại vẫn vô cùng căng thẳng, đi cùng với tình hình chiến sự Nga – Ukraine, Israel – Hamas leo thang khiến hoạt động kinh doanh của Công ty không ít thì nhiều cũng bị ảnh hưởng. Những khó khăn này được thể hiện trực tiếp thông qua các số liệu tài chính của Công ty, đặc biệt là ở bộ chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty khi các chỉ số này đồng loạt sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2022, tuy nhiên các chỉ số này vẫn đang được duy trì ở mức rất tích cực. Dù biên lợi nhuận có sự sụt giảm nhẹ, nhưng bù lại với việc chủ động giảm bớt tỷ lệ nợ trong cơ cấu vốn đi kèm với sự hiệu quả trong việc sử dụng tài sản, các hệ số ROE và ROA của Công ty vẫn đạt 12,1% và 10,5%.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2023, Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam đã phát hành 106.589.629 cổ phiếu. Trong đó:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam				
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	Mã chứng khoán	VPD	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
Ngày bắt đầu niêm yết	22/01/2018, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VPD.				
Số cổ phiếu phổ thông	106.589.629 cổ phiếu	Số cổ phiếu ưu đãi	0 cổ phiếu	Số cổ phiếu đang lưu hành	106.589.629 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	106.589.629 cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phiếu
Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2023	Không				

Các chứng khoán khác

Trong năm 2023, Công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác

Cơ cấu cổ đông

Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
Cổ đông lớn, cổ đông nhà nước	76.973.893	72,22	3
Cổ đông nhỏ	29.615.736	27,78	6.344
Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	106.589.629	100	6.347
Cổ đông trong nước	79.299.878	74,40	6.327
Cổ đông nước ngoài	27.289.751	25,60	20
Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	106.589.629	100	6.347
Cổ đông tổ chức	81.237.839	76,22	26
Cổ đông cá nhân	25.351.790	23,78	6.321
Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	106.589.629	100	6.347

Theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt đến hết ngày 31/10/2023

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Theo văn bản số 159/UBCKNN-PTTT ngày 08/01/2024 về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%

Sở hữu cổ đông lớn

Tên cổ đông	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng công ty Phát điện 1	Cổ đông lớn, cổ đông nhà nước	39.062.236	36,65%
Công ty Tepco Renewable Power Singapore PTE. LTD	Cổ đông lớn	26.600.000	24,96%
Công Ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại	Cổ đông lớn	11.311.657	10,61%

Theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt đến hết ngày 31/10/2023

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1 - EVNGENCO1

Là nhà sản xuất điện lớn thứ 3 Việt Nam với Tổng công suất 7.156,5 MW, sản lượng điện năm 2022 đạt 36.838 triệu kWh. Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2022 đạt 81.590,748 tỷ đồng

Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1, 2, 3

Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1, 2, 3 có tổng công suất 3178 MW; sản lượng điện bình quân hàng năm đạt 18,89 tỷ kWh

Nhà máy điện mặt trời Đa Mi

Công suất 42 MW; sản lượng điện bình quân hàng năm đạt 70 triệu kWh

Nhà máy thủy điện Đại Ninh

Công suất 300 MW; sản lượng điện bình quân hàng năm đạt 1,076 tỷ kWh

CÔNG ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

(CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP)

Đại diện, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động trong EVN.

Tham gia quản lý nhà nước, quản lý KT-XH, tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế

GIỚI THIỆU CỔ ĐÔNG LỚN



TEPCO RENEWABLE POWER SINGAPORE PTE.LTD - TEPCO

Hiện đang khai thác, vận hành 168 nhà máy thủy điện, điện mặt trời, điện gió với tổng công suất 9850 MW

Nhà máy thủy điện

Đang khai thác, vận hành 163 nhà máy thủy điện với tổng công suất 9800 MW; trong đó thủy điện tích năng có 9 nhà máy với công suất 7600 MW

Nhà máy điện mặt trời

Đang khai thác, vận hành 3 nhà máy điện mặt trời với tổng công suất 30 MW.

Nhà máy điện gió

Đang khai thác, vận hành 2 nhà máy điện gió với tổng công suất 21 MW

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Công suất 600 MW, sản lượng điện hàng năm đạt 3,68 tỷ kWh

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam không có sự tăng, giảm vốn góp của Chủ sở hữu

Thời điểm	Số cổ phần phát hành thêm	VĐL sau khi phát hành	Phương thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn
03/6/2012		13.700.000.000	Vốn ban đầu sau khi thành lập	Công ty thành lập và đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Góp vốn từ 05 cổ đông sáng lập
31/12/2013	87.347.043	887.170.430.000	<ol style="list-style-type: none"> Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu đồng thời là cổ đông sáng lập <ul style="list-style-type: none"> Số lượng phát hành: 36.197.234 cổ phiếu Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo quy chế được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007 Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu Phát hành cho cán bộ, công nhân viên ngành điện do Công đoàn điện lực Việt Nam đã huy động góp vốn đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bắc Bình theo phân bổ của VNPD; Cán bộ, công nhân viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Cán bộ, công nhân viên VNPD <ul style="list-style-type: none"> Số lượng phát hành: 51.149.809 cổ phiếu Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo quy chế được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007 Giá phát hành: 10.000 – 12.000 đồng/cổ phiếu theo đối tượng và theo từng giai đoạn tăng vốn 	<p>Đại hội đồng cổ đông công ty, Hội đồng quản trị (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông).</p> <ul style="list-style-type: none"> Quy chế góp vốn được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007 Quyết định số 126/QĐ-VNPD-HĐQT ngày 29/12/2007 Nghị quyết số 12/NQ-VNPD-HĐQT ngày 28/11/2008 Nghị quyết số 01/NQ-VNPD-HĐQT ngày 26/3/2010. Nghị quyết số 03/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông năm 2011 ngày 24/4/2011 Nghị quyết số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 21/4/2012 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2013
21/8/2014	2.089.421	908.064.640.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 2,5%	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số 4718/UBCK-QLPH ngày 21/8/2014
18/11/2015	9.190.207	999.966.710.000	<ol style="list-style-type: none"> Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: <ul style="list-style-type: none"> Số lượng phát hành: 2.933.921 cổ phiếu Tỷ lệ phân bổ quyền: 7,6243% Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2,5% 	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 51/GCN-UBCK cấp ngày 29/07/2015
04/11/2016	2.496.427	1.024.930.980.000	Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2,5%	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số 6559/UBCK-QLCB ngày 29/9/2016.
10/10/2018	4.096.531	1.065.896.290.000	Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 4%	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số 6572/UBCK-QLCB ngày 25/9/2018.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
[48]

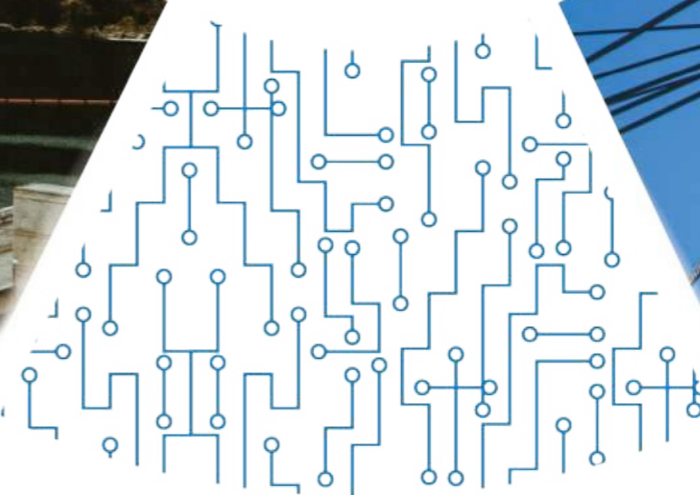
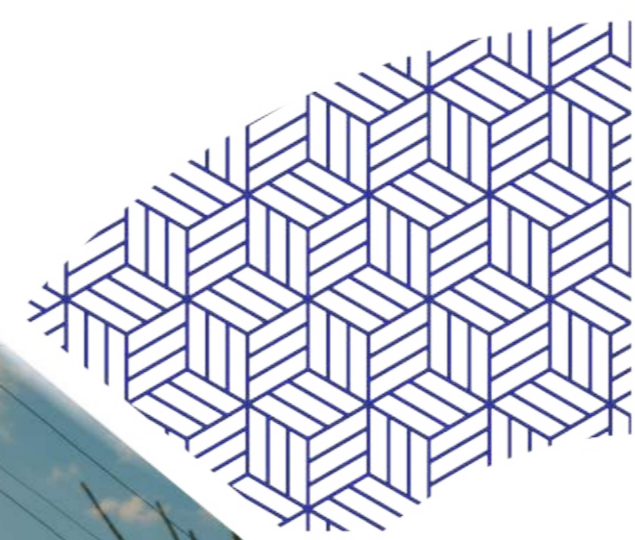
Tình hình tài chính
[50]

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
[54]

Kế hoạch phát triển trong tương lai
[56]

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
[63]

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2023



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023

Tình hình thực hiện công tác SXKD so với kế hoạch

Năm 2023, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, nền kinh tế thế giới suy giảm cũng như những biến động bất thường của thị trường tài chính – tiền tệ toàn cầu. Nền kinh tế nước ta cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách mới, khi chúng ta vừa phải phục hồi và phát triển nền kinh tế sau tác động của đại dịch Covid-19, đồng thời cũng phải phòng chống các loại dịch bệnh, thiên tai, bão lũ diễn biến ngày càng phức tạp, trái quy luật. Công ty cũng là đơn vị chịu nhiều ảnh hưởng đến công tác sản xuất kinh doanh. Song với tinh thần vượt khó, tự lực tự cường, Ban Lãnh đạo công ty và cán bộ công nhân viên trong Công ty đã cố gắng phát huy mọi thế mạnh, mọi nguồn lực để đạt được nhiều thành tựu trong việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cũng như đổi mới

công nghệ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao để Công ty ngày càng phát triển.

Với phương châm giữ ổn định và tạo đà phát triển Công ty, giữ vững và phát triển sản xuất, chăm lo công việc, cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân viên, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực, cố gắng tăng cường năng lực mọi mặt của Công ty. Công ty tiếp tục đảm bảo đầy đủ việc làm cho người lao động và sản xuất kinh doanh có lợi nhuận. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, dẫn toàn bộ lực lượng, năng lực của Công ty, VPD đã thực hiện và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đề ra.

Những bước tiến Công ty đã đạt được

- Công ty đã thực hiện xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm và kế hoạch quản lý dòng tiền năm sau để chủ động trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo dòng tiền của Công ty ổn định.
- Đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật tự thực hiện các công việc các nhà máy có thể làm được, giảm bớt thuê ngoài, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và SXKD điện an toàn và hiệu quả.
- Trong năm 2023 các nhà máy vận hành ổn định, an toàn theo điều độ của A0 và Điện lực Hà Giang. Đến hết ngày 31/12/2023 sản lượng điện thương phẩm và doanh thu sản xuất điện toàn Công ty hoàn thành vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông duyệt.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số: trong năm 2023 Công ty đã thực hiện đề án chuyển đổi số theo Quyết định số 560/QĐ-VPD-HĐQT ngày 06/5/2022 và các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023 do Tổng Công ty phát điện 1; quản trị chi phí; quản trị rủi ro... đều đạt kết quả cao.



Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/ Giảm	%Tăng/ Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		
A . Tài sản ngắn hạn	290.070.023.007	14,46%	253.332.124.339	13,94%	(36.737.898.668)	-12,67%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	103.119.419.811	5,14%	49.681.302.435	2,73%	(53.438.117.376)	-51,82%
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	185.510.785.136	9,25%	202.125.079.062	11,13%	16.614.293.926	8,96%
III. Hàng tồn kho	1.289.636.577	0,06%	1.348.129.884	0,07%	58.493.307	4,54%
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150.181.483	0,01%	177.612.958	0,01%	27.431.475	18,27%
B . Tài sản dài hạn	1.715.715.922.789	85,54%	1.563.472.870.761	86,06%	(152.243.052.028)	-8,87%
I. Tài sản cố định	1.681.072.830.347	83,81%	1.525.297.750.480	83,95%	(155.775.079.867)	-9,27%
II. Tài sản dở dang dài hạn	539.094.383	0,03%	2.548.474.001	0,14%	2.009.379.618	372,73%
III. Đầu tư tài chính dài hạn	1.950.000.000	0,10%	1.950.000.000	0,11%	-	0,00%
IV. Tài sản dài hạn khác	32.153.998.059	1,60%	33.676.646.280	1,85%	1.522.648.221	4,74%
Tổng cộng Tài sản	2.005.785.945.796	100,00%	1.816.804.995.100	100,00%	(188.980.950.696)	-9,42%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty năm 2023 giảm 188,980 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 9,42% so với năm 2022. Trong đó tài sản dài hạn giảm 152,243 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 8,87%, tài sản ngắn hạn giảm 36,737 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 12,67%. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là do tài sản cố định giảm 155,775 tỷ đồng (do giá trị trích khấu hao của các TSCĐ trong năm). Tài sản ngắn hạn năm 2023 giảm chủ yếu là do việc Tiền và các khoản tương đương tiền ghi nhận sự sụt giảm mạnh. Trong cơ cấu tài sản, tài sản dài hạn vẫn tiếp tục chiếm tỷ

trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty, thể hiện sự chú trọng của Công ty vào đầu tư, xây dựng các tài sản dài hạn, phù hợp với năng lực sản xuất và định hướng phát triển kinh doanh bền vững của Công ty. Mặt khác, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản phản ánh đúng đặc điểm ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhìn chung trong năm 2023, Công ty vẫn tiếp tục sử dụng tài sản một cách hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đồng thời tình hình tài chính được cải thiện, trở nên vững vàng, lành mạnh hơn và giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn vốn bên ngoài.

Tình hình nợ phải trả

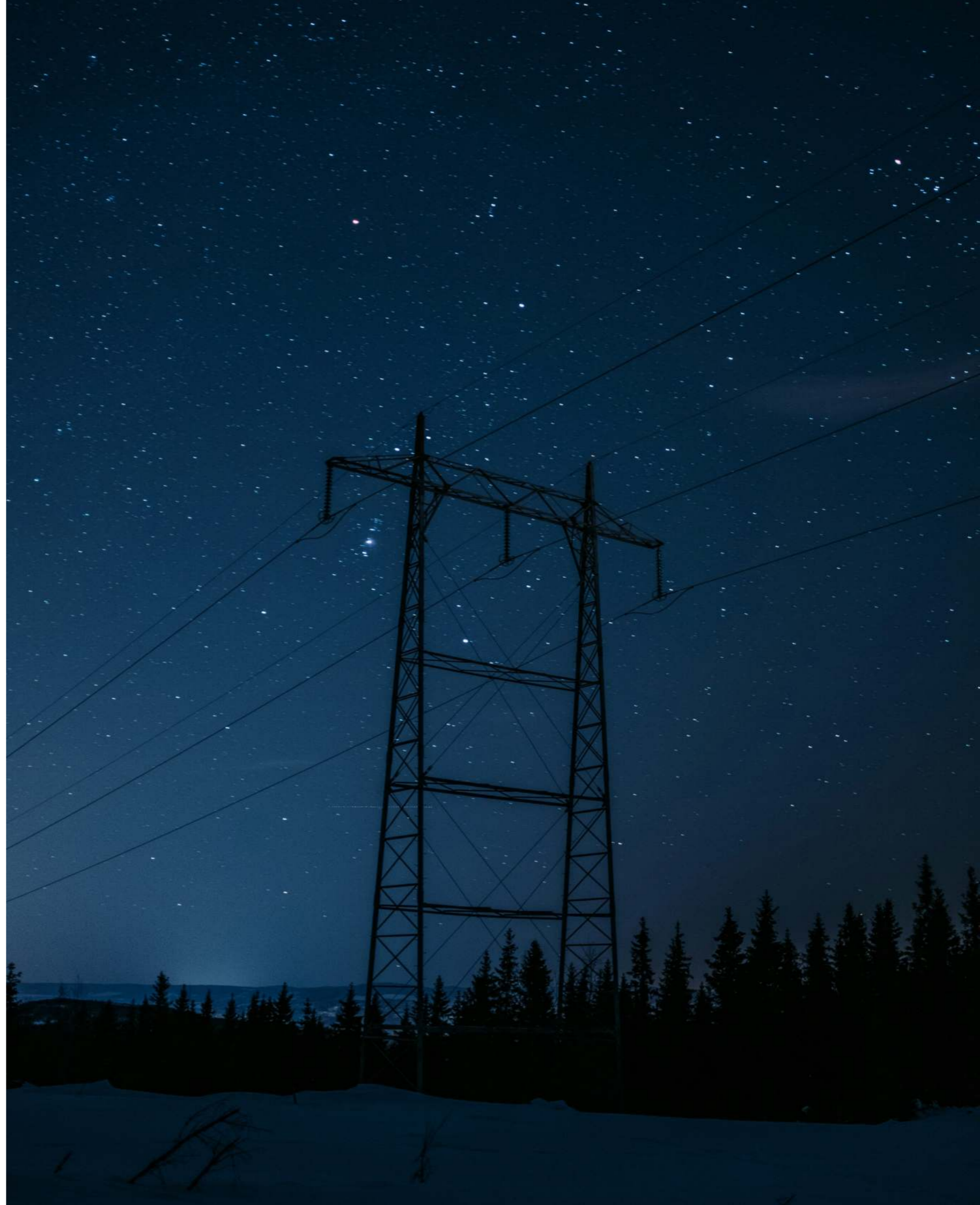
Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/ Giảm	%Tăng/ Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		
I. Nợ ngắn hạn	313.174.699.004	66,22%	169.776.580.901	68,31%	(143.398.118.103)	-45,79%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.126.493.858	3,20%	9.649.470.558	3,88%	(5.477.023.300)	-36,21%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	102.460.000	0,02%	102.460.000	0,04%	0	0,00%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.096.216.341	5,10%	18.571.435.120	7,47%	(5.524.781.221)	-22,93%
4. Phải trả người lao động	8.139.687.968	1,72%	6.110.892.085	2,46%	(2.028.795.883)	-24,92%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13.599.813.772	2,88%	10.634.889.874	4,28%	(2.964.923.898)	-21,80%
6. Phải trả ngắn hạn khác	31.325.582.395	6,62%	31.002.178.594	12,47%	(323.403.801)	-1,03%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	220.451.090.007	46,61%	89.166.666.671	35,88%	(131.284.423.336)	-59,55%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	333.354.663	0,07%	4.538.587.999	1,83%	4.205.233.336	1261,49%
II. Nợ dài hạn	159.760.387.755	33,78%	78.760.387.751	31,69%	(81.000.000.004)	-50,70%
1. Phải trả nội bộ dài hạn		0,00%	0	0,00%	0	0,00%
2. Vay và thuê tài chính dài hạn	159.760.387.755	33,78%	78.760.387.751	31,69%	(81.000.000.004)	-50,70%
Tổng Nợ phải trả	472.935.086.759	100,00%	248.536.968.652	100,00%	(224.398.118.107)	-47,45%

“ Tổng nợ phải trả năm 2023 tiếp tục giảm 224,398 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 47,45%. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tổng nợ phải trả giảm là do trong năm Công ty đã trả nợ gốc các khoản vay dài hạn cho các Ngân hàng, trả gốc trái phiếu cũng như trả cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Trong năm 2023, Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu. Các khoản nợ phải trả, Công ty đều có khả năng thanh toán trong tương lai. ”

CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2023, Công ty đã có nhiều cố gắng nhằm tháo gỡ những khó khăn về tài chính cũng như đổi mới cơ cấu tổ chức, quản lý đảm bảo luôn sát với tình hình SXKD và ĐTXD. Cụ thể:

- Cơ cấu tổ chức của Công ty cơ bản đã ổn định, gọn nhẹ. Đồng thời Công ty đã thuê chuyên gia nhân sự từ EVN để xây dựng định biên chuẩn cho Công ty để xem xét điều chỉnh nhân sự cho phù hợp.
- Đã tổ chức thi đánh giá chất lượng đối với trường ca, công nhân vận hành, sửa chữa tại các Nhà máy điện nhằm nâng cao tay nghề, củng cố kiến thức cũng như làm cơ sở phân loại, đánh giá năng lực, hiệu quả công việc để có phương hướng điều chỉnh cho phù hợp.
- Tiếp tục triển khai đào tạo chuyên môn văn bằng 2 cho CBCNV như: Hệ thống điện, Tự động hóa, Quản trị kinh doanh... theo đề án đào tạo đã được duyệt. Tổ chức cho CBCNV tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn: Lao động tiền lương, bảo hiểm, tài chính doanh nghiệp, kiểm toán nội bộ, thị trường điện. Tổ chức các khóa học quản lý để nâng cao kiến thức quản lý và điều hành: Các lớp quản lý cấp 3, cấp 4 do EVN, EVNGENCO1 tổ chức.
- Công ty đã thuê Tư vấn Luật tiến hành rà soát lại toàn bộ hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ để lập kế hoạch sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành của Công ty.
- Thực hiện quy tắc ứng xử văn hóa, văn hóa doanh nghiệp trong CBCNV nhằm xây dựng hình ảnh đẹp cũng như uy tín của Công ty trong xã hội.
- Triển khai thực hiện tốt 5S, xanh sạch đẹp-an toàn tại Văn phòng Công ty và các nhà máy được EVNGENCO1 đánh giá cao.
- Áp dụng các phần mềm quản lý như: PMIS, HRMS, DOFFICE, ERP, lưu trữ dữ liệu tập trung NAS, email nội bộ... giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả quản lý trong SXKD.
- Hưởng ứng và phát động các phong trào thi đua SXKD do Công ty tổ chức. Đẩy mạnh công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đề tài nghiên cứu khoa học, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và SXKD điện an toàn hiệu quả. Tích cực chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV Công ty.



KẾ HOẠCH NĂM 2024

Công ty dự kiến kế hoạch năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

Nội dung KH	Đơn vị	KH năm 2024
Sản lượng điện thương phẩm	Tr kWh	450,904
Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	52,652
- ĐTXD các công trình	Tỷ đồng	34,587
- Đầu tư phát triển	Tỷ đồng	18,065
Doanh thu:	Tỷ đồng	496,793
- Doanh thu sản xuất điện:	Tỷ đồng	496,293
- Doanh thu, thu nhập khác:	Tỷ đồng	0,5
Chi phí :	Tỷ đồng	330,390
Sửa chữa lớn	Tỷ đồng	2,969
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	132,890
Cổ tức	%	14,0%

Các số liệu trên là dự kiến số liệu chính thức khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Kế hoạch sản xuất điện

Công ty lập kế hoạch sản lượng điện thương phẩm năm 2024 của toàn Công ty theo tần suất 65% là: 450.904.730 kWh.

Trong đó:

- Nhà máy thủy điện Nậm Má: 13.200.000 kWh;
- Nhà máy thủy điện Bắc Bình: 83.038.730 kWh;
- Nhà máy thủy điện Khe Bó: 354.666.000 kWh.

Kế hoạch điện tự dùng

Kế hoạch tỷ lệ điện tự dùng và tổn thất điện năng của các Nhà máy năm 2024 cụ thể như sau: Thủy điện Nậm Má: 0,84%; Thủy điện Bắc Bình: 1,47%; Thủy điện Khe Bó: 0,6%.

Suất tiêu hao nhiên liệu/nước, vật liệu phụ

Kế hoạch suất tiêu hao nước năm 2024 của các nhà máy cụ thể như sau: Thủy điện Khe Bó: 17,56 m³/kWh; Thủy điện Bắc Bình: 6,3 m³/kWh; Thủy điện Nậm Má: 4,55 m³/kWh.

Sửa chữa lớn

Kế hoạch sửa chữa lớn các nhà máy năm 2024 dự kiến là: 2.969.674.866 đồng.

Lao động - Tiền lương

Kế hoạch lao động 2024: Tổng số: 125 người, trong đó:

- Người quản lý chuyên trách: 6 người;
- Người lao động: 119 người.

Kế hoạch tiền lương, thù lao:

- Quỹ Tiền lương, thù lao người quản lý Công ty: 4.125.600.000đ
- Trong đó:
- Tiền lương người quản lý chuyên trách: 3.432.000.000đ
 - Thù lao người quản lý không chuyên trách: 693.600.000đ
- Quỹ Tiền lương người lao động Công ty : 34.736.100.000 đ
 - Quỹ tiền thưởng an toàn điện: 4.501.991.000 đ

Quỹ tiền lương năm 2024 Công ty áp dụng Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính Phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Quy chế về công tác Lao động tiền lương trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 135/QĐ-EVN ngày 31/10/2021.

Tài chính - Chi phí giá thành

- Kế hoạch doanh thu năm 2024 là: 496,793 tỷ đồng. Doanh thu của Công ty chủ yếu là doanh thu từ sản xuất điện. Năm 2024 tình hình thủy văn trên khu vực sông Cả và sông Đồng Nai ở mức thấp so với trung bình nhiều năm. Do đó để hoàn thành mục tiêu đề ra, Công ty đã lập kế hoạch doanh thu sản xuất điện năm 2024 theo giá hợp đồng đã ký. Cụ thể (Giá điện chưa bao gồm thuế VAT, Thuế Tài nguyên nước, môi trường rừng và quyền khai thác nước mặt) như sau:
 - Doanh thu sản xuất điện của NMTĐ Khe Bố: Giá bán điện theo giá hợp đồng mua bán điện đã ký với Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam: 965,37 đồng/kWh;
 - Doanh thu sản xuất điện của NMTĐ Bắc Bình: Giá bán điện theo giá hợp đồng mua bán điện đã ký với Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam: 905,39 đồng/kWh
 - Doanh thu sản xuất điện của NMTĐ Nậm Mả: Giá bán điện theo giá chi phí tránh được như kế hoạch đã lập các năm trước: 1000 đồng/kWh cho 08 tháng mùa khô (Từ tháng 1÷ tháng 6 và từ tháng 11 ÷ tháng 12) và 613,5 đ/kWh cho 04 tháng mùa mưa.
- Kế hoạch chi phí 2024: 330,39 tỷ đồng. Năm 2024, Công ty sẽ tiết kiệm tối đa chi phí theo các chỉ tiêu tối ưu hóa chi phí của EVNGenco1.
- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế: 132,89 tỷ đồng.
- Dự kiến kế hoạch cổ tức năm 2024: 14,0%.



Công tác tài chính năm 2024

Tình hình vốn tự có

Đến 01/01/2024, nguồn vốn tự có của Công ty (tiền, tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn) là 49,68 tỷ đồng.

Nhu cầu vốn cho thủy điện Khe Bố

Đến 01/03/2024, Công ty đã thực hiện giải ngân cho Dự án đạt 3.140,905 tỷ đồng. Trong đó vay vốn tại các Ngân hàng đã giải ngân là 2.351,682 tỷ đồng, vốn tự có đã giải ngân là 789,223 tỷ đồng.

Dư nợ vay của Công ty đối với các Ngân hàng đến 01/03/2024 là 155,4 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ: Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7757730/HĐTD ngày 26/08/2015: Tổng số tiền đã vay giải ngân: 247,2 tỷ đồng, dư nợ: 49,2 tỷ đồng.
- Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh Hà Nội: Tổng số tiền tái tài trợ và chuyển nợ vay từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội, Ngân hàng TMCP An Bình - CN Quảng Ninh, Ngân hàng TMCP MSB -CN Thanh Xuân về Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh Hà Nội là 133,7 tỷ đồng, dư nợ 106,2 tỷ đồng.

Hiện nay, Công ty đang gấp rút hoàn thành công tác quyết toán Dự án thủy điện Khe Bố, dự kiến năm 2024, Công ty cần phải có số vốn tự có khoảng 19 tỷ đồng để thanh quyết toán cho Dự án.

Nhu cầu vốn năm 2024:

- Kế hoạch trả nợ gốc và lãi vay cho các Ngân hàng năm 2024:
 - Tổng số tiền Công ty cần phải có để trả nợ gốc và lãi vay cho các Ngân hàng phục vụ DA Thủy điện Khe Bố là 99,56 tỷ đồng.
- Nộp thuế phí và các nghĩa vụ với NSNN:
 - Căn cứ số liệu đầu vào về sản lượng, doanh thu, Công ty dự kiến phải nộp thuế phí và các nghĩa vụ với NSNN là 144,09 tỷ đồng.
- Các khoản chi cho CBCNV, NLĐ:
 - Dự kiến các khoản chi cho CBCNV, NLĐ là 57,57 tỷ đồng.

- Chi cho hoạt động kinh doanh và các khoản chi khác:
 - Dự kiến các chi phí khác Công ty phải chi trả để duy trì hoạt động SXKD và các khoản chi khác là 83,97 tỷ đồng.
- Chi cho ĐTXD và ĐTPT:
 - Vốn đối ứng còn thiếu cho thanh quyết toán thủy điện Khe Bố là 19 tỷ đồng (như đã trình bày ở trên).
 - Dự kiến chi cho đầu tư dự án mới và các hạng mục đầu tư mua sắm, xây dựng từ quỹ ĐTPT là 37,31 tỷ đồng.
- Trả cổ tức của các năm:
 - Cổ tức các năm từ 2009 -:- 2022: Cổ tức còn lại phải trả cho các cổ đông thể nhân nhỏ lẻ là 29,03 tỷ đồng.
 - Dự kiến trả cổ tức năm 2023: Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán, Công ty dự kiến sẽ chi trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ là 14% tương đương 149,23 tỷ đồng vào tháng 10/2024.

Tình hình cân đối tài chính (dòng tiền) thực tế:

Với dự kiến từ các nguồn thu và các chi phí nêu tại mục 4.1.6 và 4.1.7 nêu trên, Công ty có thể ổn định được tài chính, cân bằng được trả nợ và đến 31/12/2024 vốn tự có của Công ty còn lại khoảng 30,29 tỷ đồng.

Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2024



52,652 tỷ VNĐ

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
NĂM 2024 TOÀN CÔNG TY, TRONG ĐÓ:**

Đầu tư xây dựng dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó:

34,587 tỷ đồng

Các công việc chính của dự án thực hiện trong năm 2024 bao gồm:

- Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó: Dự kiến là 19,004 tỷ đồng.
 - Hoàn thành các công việc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ.
 - Cơ bản hoàn thành quyết toán giai đoạn 2 dự án.
- Dự án ĐTXD từ nguồn vốn ĐTPT: 15,290 tỷ đồng.

Đầu tư phát triển: 18,065 tỷ đồng

Các danh mục chính dự kiến triển khai trong năm gồm:

- Nhà máy Thủy điện Bắc Bình: Hệ thống DCS, SCADA, điều khiển công suất tổ máy từ xa (AGC) và rơle bảo vệ; Xây dựng hệ thống lưới quan trắc chuyển vị đập; Mua Xe ô tô 16 chỗ.
- Nhà máy Thủy điện Khe Bó: Nâng cấp hệ thống thiết bị đáp ứng điều tần (PSS); Nâng cấp giao thức hệ thống SCADA và hoàn thiện hệ thống SCADA/AGC; Hoàn thiện hệ thống đo đếm chính Nhà máy.
- Đầu tư dự án mới.
- Văn phòng Công ty: Nâng cấp Website của Công ty.



Các biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2024

Hướng tới mục tiêu hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch SXKD - ĐTXD được giao, năm 2024 Công ty dự kiến thực hiện một số giải pháp cụ thể như sau:

Công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo và chăm lo đời sống của CBCNV

- Sửa đổi quy chế phân phối tiền lương, quy chế cán bộ và thực hiện các chính sách đãi ngộ đối với người lao động...
- Tổ chức thi phân loại, đánh giá, giữ bậc đối với lực lượng vận hành, sửa chữa, an toàn làm cơ sở rà soát, sắp xếp lại lao động, trả lương hợp lý tại các đơn vị.
- Triển khai đào tạo chuyên môn đáp ứng công tác SXKD điện theo đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung các Quy chế Quản lý nội bộ theo đề xuất của Tư vấn Luật.
- Thực hiện quy tắc ứng xử văn hóa EVN, EVNGENCO1, văn hóa Công ty, thực hiện 5s, xanh sạch đẹp-an toàn trong CBCNV.
- Thực hiện và phát động các phong trào thi đua SXKD do EVN, EVNGENCO1 và Công ty tổ chức. Đẩy mạnh sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động, PCCC nhằm nâng cao năng suất lao động và SXKD điện an toàn hiệu quả.
- Quan tâm, xây dựng đời sống tinh thần cho người lao động...

Công tác thị trường điện

- Liên hệ chặt chẽ với các nhà máy bậc thang trên (Đại Ninh, Bản Vẽ và các nhà máy thủy điện nhỏ khác) để có phương án chào giá tốt nhất cho các nhà máy.
- Phối hợp A0 thực hiện khai thác tối ưu các hồ chứa, bảo đảm sẵn sàng phát điện và cấp nước các vùng hạ du.

Công tác truyền thông

Công tác truyền thông nội bộ

- Lập và phổ biến các kế hoạch truyền thông đến toàn thể CBCNV.
- Tạo nhóm lãnh đạo, nhóm phòng, đơn vị và văn phòng công ty qua hệ thống mạng xã hội nhằm kịp thời chỉ đạo, trao đổi thông tin về tình hình hoạt động SXKD của Công ty.
- Viết bài truyền thông các chương trình, sự kiện trong năm tại Công ty và các đơn vị trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://vnpd.com.vn>

Công tác truyền thông bên ngoài

- Cung cấp thông tin và hình ảnh của Công ty đến các cơ quan, đơn vị trong và ngoài ngành.
- Duy trì mối quan hệ chặt chẽ với địa phương, các cơ quan hữu quan trên địa bàn về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Chủ động phối hợp với chính quyền các địa phương vùng hạ du để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước của các hồ thủy điện phục vụ phát điện trong mùa khô, đồng thời cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp tại địa phương.
- Tích cực tuyên truyền các chủ trương, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chiến lược, chủ đề năm của EVN, công tác chuyển đổi số và áp dụng công nghệ 4.0 vào hoạt động SXKD, các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước ...
- Ký kết hợp đồng truyền thông với các đơn vị báo chí, tạp chí, báo điện tử.

Công tác chuyển đổi số

Tập trung bám sát các mục tiêu trọng yếu của đề án CDS đã được phê duyệt theo QĐ số 560/QĐ-VNPD-HĐQT ngày 06/5/2022.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TGD ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN (NẾU CÓ)

Không có.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các
mặt hoạt động của Công ty
[66]

Các kế hoạch, định hướng
của HĐQT
[68]

Đánh giá của HĐQT về hoạt
động của Ban Tổng giám
đốc Công ty
[66]

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2023**



Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2023 là một năm tình hình thủy văn tương đối bất lợi với việc thời tiết cực đoan và thay đổi khó lường đi kèm với biến động giá nguyên vật liệu. Tuy nhiên, với việc luôn chuẩn bị trước cho các kịch bản xảy ra, Công ty đã kịp thời triển khai các biện pháp quản lý vận hành an toàn đối với các nhà máy. Đồng thời, Ban điều hành và toàn thể CBCNV luôn đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu... nhờ vậy, Công ty hoàn thành vượt mức Kế hoạch năm đã đề ra, cụ thể như sau:

- Công tác sản xuất điện: Sản lượng điện thương phẩm toàn Công ty sản xuất được 470,065 triệu kWh/458,646 triệu kWh, đạt 102,49% kế hoạch năm.

- Doanh thu năm 2023 của Công ty là 544,680 tỷ đồng/524,632 tỷ đồng, đạt 103,82% kế hoạch;
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 thực hiện là 190,500 tỷ đồng/161,513 tỷ đồng, đạt 117,95% kế hoạch. Công ty trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt cổ tức năm 2022 là 14% đạt 100% kế hoạch.
- Công tác đầu tư xây dựng: Trong năm 2023 Công ty tiếp tục thực hiện các công việc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thực hiện quyết toán các hạng mục đã hoàn thành thi công của dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó cũng như thực hiện các danh mục thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển. Giá trị đầu

tư xây dựng năm 2023 là 13,309 tỷ đồng tương đương 39,67% kế hoạch năm.

Trong năm 2023, Công ty vẫn tiếp tục tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường cũng như đẩy mạnh công tác tham gia các hoạt động của cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD Công ty

Năm 2023, Ban Tổng giám đốc Công ty đã rất nỗ lực, cố gắng khắc phục mọi khó khăn, điều hành linh hoạt, sát sao các mặt hoạt động trong Công ty. Ban Tổng giám đốc luôn báo cáo chi tiết, đầy đủ và chính xác các vấn đề phát sinh trình HĐQT; bàn bạc trực tiếp hoặc qua điện thoại, email, phương tiện điện tử, văn bản với HĐQT để kịp thời đưa ra các giải pháp tối ưu nhất nhằm hoàn thành kế hoạch đã được ĐHCĐ giao. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền được phân cấp, thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định, các chỉ đạo của HĐQT; tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Nhờ vậy, Công ty đã hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện nghiêm túc công việc quản trị Công ty theo đúng các quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam một cách trung thực.

- Chỉ đạo Công ty hoàn thành Kế hoạch năm 2024 do ĐHCĐ giao.
- Chỉ đạo Công ty kiểm soát chi phí, đảm bảo khả năng thanh toán nợ, cố gắng đúng hạn, hiệu quả.
- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý vận hành các Nhà máy điện sản xuất an toàn, ổn định và hiệu quả.
- Chỉ đạo Công ty hoàn thành quyết toán toàn bộ dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bô.
- Xây dựng chiến lược phát triển dài hạn Công ty.
- Tiếp tục tìm kiếm dự án mới để nghiên cứu đầu tư.
- Triển khai áp dụng công nghệ 4.0 vào quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh.
- Tìm kiếm cơ hội hợp tác thuê vận hành, sửa chữa, hỗ trợ kỹ thuật với các đơn vị trong ngành nhằm tăng doanh thu và năng lực cán bộ Công ty.
- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Tiếp tục cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống các văn bản, quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông.
- Đảm bảo thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động; Thực hiện các giải pháp khuyến khích để Người lao động gắn bó vì sự phát triển của Công ty.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện những nhiệm vụ khác do ĐHCĐ giao.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

[72]

Ban kiểm soát

[78]

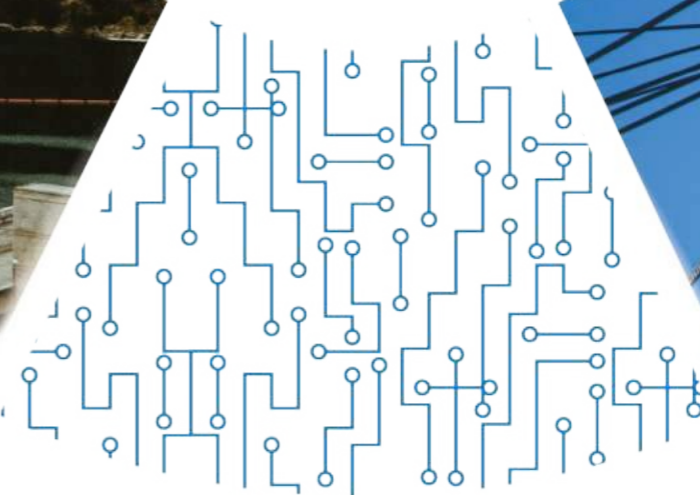
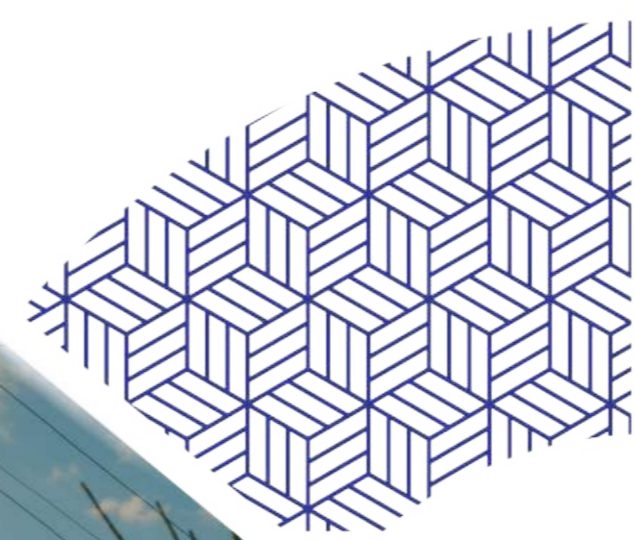
Các giao dịch, thù lao và các
khoản lợi ích của Hội đồng
quản trị

[80]

Đánh giá việc thực hiện các
quy định về quản trị Công
ty

[84]

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2023**



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ tại Công ty	Chức danh tại Công ty khác	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
Nguyễn Hoàng Đạo	Chủ tịch HĐQT				
Nguyễn Thanh Tùng	TV. HĐQT, TGĐ		625.474	0,5868%	Miễn nhiệm theo Nghị quyết số 657/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023
Ngô Quốc Huy	TV. HĐQT, TGĐ				Bắt đầu nhiệm kỳ theo Nghị quyết số 657/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023
Nguyễn Đăng Khương	TV. HĐQT	TP Kế hoạch Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại			
Nguyễn Văn Khóa	TV. HĐQT		393	0,0004%	Miễn nhiệm theo Nghị quyết số 657/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023
Đỗ Đức Hùng	TV. HĐQT	Chủ tịch Công đoàn Điện lực Việt Nam	25.261	0,0237%	
Trần Văn Được	Thành viên độc lập HĐQT				
Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên độc lập HĐQT	Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam			Miễn nhiệm theo Nghị quyết số 657/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023
Hiroshi Hashiuchi	TV. HĐQT	Giám đốc Quản lý Văn phòng Phát triển Kinh doanh Quốc tế tại Tepco Renewable Power			Miễn nhiệm theo Nghị quyết số 1787/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ bất thường ngày 04/12/2023
Yoshiyuki Ueda	TV. HĐQT	Quản lý cấp cao, Giám đốc dự án tại Văn phòng Phát triển Kinh doanh Quốc tế của Tepco Renewable Power			Bắt đầu nhiệm kỳ theo Nghị quyết số 657/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023
Naruomi Samejima	TV. HĐQT	Giám đốc (Dự án Việt Nam), Văn phòng Hà Nội, Phòng Phát triển Kinh doanh Quốc tế của Tepco Renewable Power			Bắt đầu nhiệm kỳ theo Nghị quyết số 1787/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ bất thường ngày 04/12/2023
Nguyễn Loãn	Thành viên độc lập HĐQT		329.856	0,3095%	Bắt đầu nhiệm kỳ theo Nghị quyết số 657/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023

Các tiểu ban thuộc HĐQT

Căn cứ quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động giám sát

Căn cứ Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc (TGD) và Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT trong năm 2023 như sau:

Phương thức giám sát

Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ với Tổng giám đốc, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua thư điện tử và điện thoại về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và triển khai các nghị quyết của HĐQT và triển khai các mục tiêu đã được ĐHCĐ phê duyệt.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân nhằm thực hiện công tác giám sát ở các khía cạnh sau:

- Giám sát tình hình tài chính: xem xét, phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính để kịp thời đánh giá kết quả soát xét trước khi ban hành văn bản.
- Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh: thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ, HĐQT đã chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ tính hiệu quả và tuân thủ của Công ty trong các quy trình sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc triển khai, quản trị rủi ro ở cấp công ty: chỉ đạo chặt chẽ kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong việc vận hành của hệ thống quản trị rủi ro của Công ty.

HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết sau mỗi kỳ họp về: các kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan nhằm giúp Tổng giám đốc và Ban điều hành có cơ sở triển khai.

Kết quả giám sát

Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục kết hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát, công việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng giám đốc không bị trở ngại, việc giám sát của HĐQT và Ban kiểm soát được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng nghị quyết của HĐQT, thực hiện quản trị công ty theo chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát vì quyền lợi của cổ đông công ty.

Hoạt động của TV HĐQT độc lập

Cơ cấu thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay là 2/8 thành viên. Trong năm 2023, các thành viên độc lập Hội đồng quản trị tham dự đầy đủ các cuộc họp cũng như cho ý kiến các vấn đề phát sinh của Công ty giúp Công ty đưa ra những quyết sách kịp thời, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Các ý kiến đóng góp của thành viên độc lập Hội đồng quản trị đều được tôn trọng, ghi nhận và là cơ sở quan trọng để thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Danh sách các TV HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Không có

Các cuộc họp, nghị quyết của HĐQT

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
02/NQ-HĐQT	03/01/2023	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 1 năm 2023
455/NQ-HĐQT	03/4/2023	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 2 năm 2023
661/NQ-HĐQT	25/4/2023	Bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty
1043/NQ-HĐQT	06/7/2023	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 4 năm 2023
1102/NQ-HĐQT	14/7/2023	Ý kiến đối với việc chào mua công khai cổ phiếu VPD của Tepco Renewable Power Singapore Pte.Ltd
1381/NQ-HĐQT	14/9/2023	Chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 13%
1495/NQ-HĐQT	10/10/2023	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 5 năm 2023
1497/NQ-HĐQT	10/10/2023	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023
1498/NQ-HĐQT	10/10/2023	Nghị quyết sửa đổi một số ngành nghề kinh doanh và tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty
1508/NQ-HĐQT	10/10/2023	Phương án chuyển nợ vay tại ABB sang BIDV Ngọc Khánh
1631/NQ-HĐQT	07/11/2023	Thông qua dự thảo các nội dung liên quan trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2023
1771/NQ-HĐQT	30/11/2023	Điều chỉnh Qc và hệ số alpha KHPP & BHPP
1909/NQ-HĐQT	22/12/2023	Dự thảo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó

Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã tổ chức 06 cuộc họp định kỳ, các cuộc họp đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, cung cấp tài liệu họp đầy đủ, đảm bảo thời gian theo quy định, tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật. Trong từng phiên họp, các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiên cứu, thảo luận, đóng góp ý kiến đối với các báo cáo từ Ban Điều hành trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình thị trường tài chính, tiền tệ và đưa ra các kết luận thông qua từng nội dung theo nguyên tắc đa số, được ghi nhận chi tiết tại Biên bản cuộc họp và ban hành Nghị quyết kết luận từng phiên họp trên tinh thần đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông và Công ty.

Đồng thời, Hội đồng quản trị còn tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh trong hoạt động SXKD, ĐTXD để ban hành các Nghị quyết và Quyết định, nhằm tăng cường công tác quản trị, bám sát tình hình hoạt động của Công ty, đưa ra những quyết sách kịp thời giúp Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Các văn bản do HĐQT ban hành dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng pháp luật, quyết định đúng đắn chiến lược hoạt động kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao cho.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Lê Mai Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát			
2	Nguyễn Minh Hải	Thành viên BKS Ctr	20.042	0,019%	
3	Nguyễn Văn Hùng	Thành viên BKS	7.342	0,007%	
4	Masahiro Yamaguchi	Thành viên BKS			Bắt đầu nhiệm kỳ từ 25/4/2023 theo Nghị quyết số 657/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023
5	Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên BKS			
6	Trần Tấn Nhật	Thành viên BKS			Miễn nhiệm theo Nghị quyết số 657/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp. Thông qua các cuộc họp này, Ban kiểm soát đã thực hiện phân công các nhiệm vụ, tổ chức triển khai kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát, thảo luận và thống nhất các nội dung như sau:

- Cuộc họp ngày 28/3/2023 xem xét hồ sơ của các công ty kiểm toán và thống nhất danh sách Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.
- Cuộc họp ngày 06/4/2023 về Kiểm soát tình hình hoạt động năm 2022 tại Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- Cuộc họp ngày 10/5/2023 về phân công nhiệm vụ các thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- Cuộc họp ngày 03/10/2023 về Biên bản kiểm soát tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2023 tại Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp thường kỳ cũng như bất thường của HĐQT; xem xét tính phù hợp các Quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành đảm bảo phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty cũng như tham gia ý kiến về định hướng phát triển của Công ty trong từng thời kỳ.

Ban kiểm soát đã tổ chức 02 đợt kiểm tra, giám sát định kỳ tại Văn phòng Công ty đảm bảo các hoạt động SXKD, ĐTXD tuân thủ định hướng, chỉ đạo của ĐHĐCĐ đồng thời tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Kết thúc mỗi đợt kiểm soát, Ban kiểm soát đều lập và ký Biên bản kiểm soát với Công ty. Ban kiểm soát đã tổ chức 01 đợt đi kiểm tra thực tế tại Nhà máy thủy điện Khe Bó.

Ngoài ra, Ban kiểm soát luôn cố gắng giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác

Các thành viên Ban kiểm soát luôn chủ động phối hợp trao đổi với nhau và với HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành cùng các cán bộ quản lý nhằm tháo gỡ các khó khăn đưa ra những phương hướng giải quyết kịp thời cho Công ty. Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra tính hợp lý, giám sát hoạt động của HĐQT, các công việc do Ban điều hành triển khai và thực hiện.

Các hoạt động khác của Ban kiểm soát

- Thẩm tra BCTC năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty và thẩm tra BCTC đã được soát xét 6 tháng năm 2023 của Công ty.
- Thẩm tra đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2022 của Công ty.
- Tham gia góp ý trong công tác xây dựng, sửa đổi, ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty phục vụ cho công tác quản lý điều hành.

Họ và tên	Chức vụ	Số tháng làm việc	Tiền lương, thù lao	Tiền thưởng NQL năm 2022 (Chi trong năm 2023)	Tiền thưởng các ngày Lễ trong năm	Tiền An toàn điện	Lợi ích khác	Tổng cộng
Hội đồng quản trị:			1.184.816.000	150.726.407	475.000.000	72.928.898	31.507.362	1.968.978.667
Nguyễn Hoàng Đạo	CT HĐQT	12	681.612.000	77.434.497	70.000.000	72.928.898	13.614.005	943.789.400
Đỗ Đức Hùng	Thành viên	12	116.124.000	14.658.382	85.000.000	-	3.904.005	232.286.387
Nguyễn Văn Khoá	Thành viên	4	38.708.000	14.658.382	45.000.000	-	3.904.005	105.870.387
Nguyễn Đăng Khương	Thành viên	12	116.124.000	8.550.723	85.000.000	-	2.277.337	215.552.060
Nguyễn Văn Thịnh	TV HĐQT LV năm 2022	0	-	6.107.659	-	-	-	7.307.659
Trần Văn Được	Thành viên	12	116.124.000	14.658.382	85.000.000	-	3.904.005	219.686.387
Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	4	38.708.000	14.658.382	30.000.000	-	3.904.005	90.870.387
Nguyễn Loan	Thành viên	8	77.416.000	-	75.000.000	-	-	153.616.000
Ban kiểm soát			874.732.000	116.597.869	370.000.000	-	25.615.207	1.396.545.076
Lê Mai Hạnh	TB không Ctr	12	90.876.000	10.324.599	85.000.000	-	3.470.227	194.470.826
Nguyễn Minh Hải	TV Ctr	12	580.632.000	73.291.910	85.000.000	-	13.180.227	752.104.137
Đình Thị Diễm Quỳnh	Thành viên	12	87.096.000	10.993.787	85.000.000	-	3.470.227	191.360.014
Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	12	87.096.000	6.413.042	85.000.000	-	2.024.299	180.533.341
Nguyễn Thị Tuyết	TV BKS LV năm 2022	0	-	4.580.744	-	-	-	4.580.744
Trần Tấn Nhật	Thành viên	4	29.032.000	10.993.787	30.000.000	-	3.470.227	73.496.014
Ban Tổng giám đốc			1.817.628.000	214.777.163	230.000.000	197.906.102	44.492.015	2.531.803.280
Nguyễn Thanh Tùng	Tổng giám đốc	4	218.788.000	74.566.552	30.000.000	24.121.519	8.504.005	360.180.076
Ngô Quốc Huy	Tổng giám đốc	8	437.576.000	-	60.000.000	45.985.677	8.760.000	560.721.677
Phạm Đình Lê	Phó TGD	12	580.632.000	73.291.910	70.000.000	65.592.474	13.614.005	810.330.389
Nguyễn Tùng Phương	Phó TGD	12	580.632.000	66.918.701	70.000.000	62.206.432	13.614.005	800.571.138
Tổng cộng NQL:			3.877.176.000	482.101.439	1.075.000.000	270.835.000	101.614.584	5.897.327.023

Thu nhập của TV HĐQT, TV BKS, Ban Tổng Giám đốc trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của VPD = (Tiền lương, thù lao) + (Tiền An toàn điện)

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
Nguyễn Loan	Người nội bộ	377.364	0,354	329.856	0,309	Bán CP
Nguyễn Xuân Doãn	Anh trai ông Nguyễn Loan – TV độc lập HĐQT	0	0	21.320	0,020	Mua CP

Hợp đồng, giao dịch với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
Công ty Mua bán điện	Cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam	0100100079-073	Số 11-Phố Cửa Bắc-P.Trúc Bạch – Q. Ba Đình – TP. Hà Nội, Việt Nam	01/01/2023 đến 31/12/2023	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết số 754/NQ-VNPD-HĐQT ngày 12/07/2017 Nghị quyết 610/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 30/05/2018 Nghị quyết số 1771/NQ-HĐQT ngày 30/11/2023 về việc điều chỉnh Qc và hệ số alpha KHPP & BHPP 	Doanh thu bán điện: 527.704.268.066	
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam	0100100417	Số 20-Trần Nguyên Hãn-P. Lý Thái Tổ-Q. Hoàn Kiếm-TP. Hà Nội, Việt Nam	01/01/2023 đến 31/12/2023	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết số 388/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2015 	Doanh thu bán điện: 14.149.049.913	

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị Công bố thông tin

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam luôn coi trọng và tự ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác liên quan về quản trị công ty đại chúng.



Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện công bố thông tin các Báo cáo định kỳ 06 tháng và năm về tình hình quản trị Công ty, Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính, thông tin về việc họp Đại hội đồng cổ đông, báo cáo bất thường và các báo cáo khác. Hội đồng quản trị giám sát việc thực hiện công bố thông tin gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, đăng tải công khai thông tin trên website của Công ty để nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị, đồng thời tạo điều kiện để các cổ đông, các nhà đầu tư kịp thời nắm bắt thông tin và các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm tra, kiểm soát

Quản trị Quan hệ chất lượng



Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là đơn vị chủ quản của 03 nhà máy phát điện, sản phẩm của công ty là sản xuất điện bán cho Công ty mua bán điện. Chất lượng sản phẩm, dịch vụ đều phải tuân theo Luật Điện lực và các tiêu chí của chất lượng điện năng được áp dụng theo Thông tư 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019.

Các nhà máy điện của Công ty đã được nghiệm thu bởi các cơ quan chức năng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật trước khi đấu nối vào hệ thống lưới điện quốc gia.

Về dịch vụ cung cấp điện: công ty luôn chấp hành và đáp ứng yêu cầu cung cấp điện theo kế hoạch.

Hiệu quả đạt được trong việc cung cấp điện và chất lượng điện năng luôn luôn đáp ứng theo yêu cầu về kỹ thuật và tuân theo Luật điện lực.

Công ty luôn cải tiến và nâng cấp các thiết bị vận hành và thiết bị điều khiển có chất lượng cao hơn để đảm bảo độ tin cậy và nâng cao hệ số khả dụng của tổ máy.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

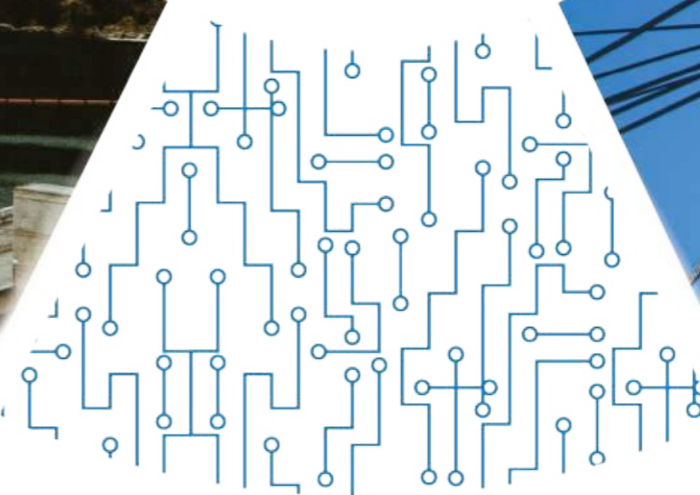
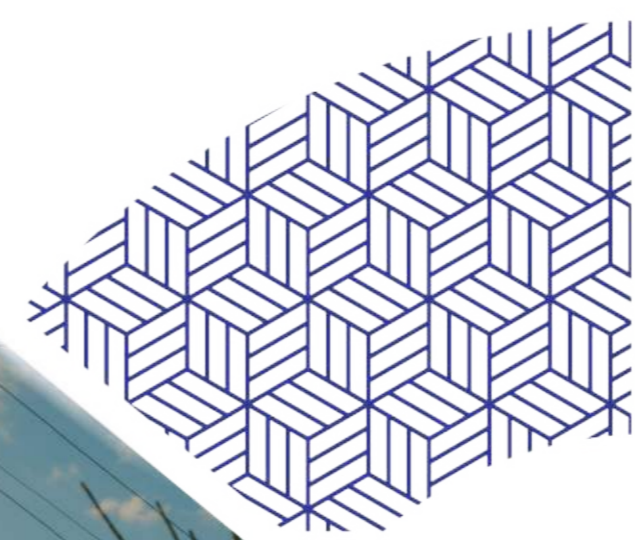
Giới thiệu báo cáo
[88]

**Mục tiêu phát triển
bền vững**
[90]

**Đánh giá của Ban Tổng
Giám đốc**
[90]

**Các chỉ tiêu phát triển
bền vững**
[94]

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



GIỚI THIỆU BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững 2023 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam được tích hợp chung trong Báo cáo thường niên 2023 của Công ty nhằm cung cấp thông tin chất lượng với nội dung xúc tích, ngắn gọn, tránh trùng lặp cho cổ đông và các bên có liên quan.

Mục tiêu báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Công ty được xây dựng nhằm giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của VPD ở khía cạnh phát triển bền vững. Báo cáo sẽ cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty, các thông số, chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty trên lãnh thổ Việt Nam. Thông tin dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2023, bắt đầu từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

Căn cứ lập báo cáo

Báo cáo được lập dựa trên hướng dẫn làm Báo cáo thường niên tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, tham khảo hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững – của Ủy ban chứng khoán nhà nước và IFC và bộ tiêu chuẩn báo cáo phát triển bền vững GRI của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn “Cốt lõi” và dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty.

Địa chỉ liên hệ

Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, xin Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ:

- Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam
- Địa chỉ: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
- Điện thoại: 024.22131580
- Fax: 024.35527987



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam thấu hiểu một cách sâu sắc rằng một doanh nghiệp phát triển bền vững phải là tổng thể hài hòa của cả 3 yếu tố con người, môi trường và lợi nhuận. Nếu thiếu đi dù chỉ là một trong ba yếu tố này thì doanh nghiệp không thể phát triển ổn định và dài lâu. Trong những năm qua, bên cạnh những mục tiêu về con số và lợi nhuận, Công ty tự đặt ra cho mình cam kết đưa doanh nghiệp phát triển gắn với sự đi lên của xã hội, luôn có những chính sách, hành động thiết thực chung tay vì một cộng đồng bền vững và nhân ái, kết hợp hài hòa giữa việc đảm bảo đời sống, thu nhập của người lao động với quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

Mục tiêu phát triển bền vững của Công ty hướng đến những nội dung sau:

- Đối với trình độ phát triển: Phát triển trình độ doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Đối với văn hóa doanh nghiệp: Khuyến khích động lực phát triển và văn hóa doanh nghiệp.
- Đối với người lao động: Luôn quan tâm đến môi trường, điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập của nhân viên.
- Đối với cổ đông: Phát triển mở rộng các giá trị mới, đồng thời duy trì những giá trị cốt lõi của Công ty nhằm không ngừng mang lại thêm nhiều lợi ích cho các cổ đông.
- Đối với cộng đồng xã hội: Cam kết không ngừng góp phần vào sự phát triển của cộng đồng và sự nghiệp bảo vệ môi trường.



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá liên quan đến các vấn đề người lao động

Hiểu rằng người lao động là tài sản quý giá nhất, Ban lãnh đạo Công ty luôn xem việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, cải thiện thu nhập cho nhân viên vừa là trách nhiệm vừa là mục tiêu phát triển của Công ty. Trong năm 2023, các chính sách dành cho người lao động luôn được Công ty thực hiện đầy đủ và không có khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến vấn đề này. Cụ thể:

- Công tác tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi được đảm bảo. Công ty triển khai các chính sách tăng lương, thưởng vượt năng suất,...qua đánh giá thành tích nhằm tạo động lực cho nhân viên đồng thời quan tâm và thực hiện đồng thời các chế độ phúc lợi cho người lao động.

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định của Nhà nước và Luật lao động (về thời giờ làm việc, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm

y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thanh toán đầy đủ các chế độ trợ cấp Bảo hiểm Xã hội và Bảo hiểm Y tế cho cán bộ nhân viên như ốm đau, thai sản...) và chế độ riêng của Công ty (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật CBCNV, khám sức khỏe đối với công nhân mới, khuyến học cho con người lao động và các chế độ khác).

Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, Ban lãnh đạo Công ty luôn đề cao ý thức trách nhiệm và yêu cầu cán bộ nhân viên, người lao động tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan tới môi trường và thực hiện giảm thiểu tối đa các tác động xấu tới hệ sinh thái xung quanh, giảm thiểu ô nhiễm trong hoạt động sản xuất. Hoạt động quản trị, vận hành, sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật về môi trường và không bị các khoản phạt hay bồi thường nào về các vấn đề liên quan đến môi trường.

Công ty giao cho các phòng ban chịu trách nhiệm triển khai các chính sách về vấn đề môi trường trong Công ty, chủ động phòng ngừa, đưa ra các sáng kiến giảm ô nhiễm môi trường

lao động, nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi có lợi trong công tác bảo vệ môi trường.

Các dự án đầu tư Công ty đang và dự kiến triển khai trong tương lai đều được Ban lãnh đạo Công ty định hướng xây dựng theo các tiêu chuẩn xanh, ứng dụng các công nghệ tiên tiến và hệ thống xử lý rác thải hiện đại đảm bảo các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm vừa qua, cùng với việc đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, các công tác an sinh xã hội luôn được tập thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên VPD chú trọng, quan tâm. Trong năm 2023, Công ty tiếp tục duy trì tốt và đã có những đóng góp hỗ trợ giúp đỡ những địa phương gặp khó khăn do thiên tai, ủng hộ quỹ khuyến học, tết vì người nghèo, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để xây nhà, ủng hộ xây dựng các công trình công cộng... Công ty tiếp tục triển khai các chương trình, các hoạt động bảo trợ giúp đỡ góp phần đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân các địa phương.

Các Nhà máy thủy điện trực thuộc VPD không chỉ tạo thu nhập cho người dân mà còn giúp điều hòa cho nông nghiệp thủy lợi, sinh hoạt của người dân vùng hạ du nhất là vào mùa khô.

- Nằm trong hệ sinh thái các Nhà máy thủy điện, nguồn năng lượng có được từ nước nên các NMTĐ trực thuộc VPD góp phần giúp giảm bớt ô nhiễm môi trường, thải ra rất ít khí hiệu ứng nhà kính so với các nguồn năng lượng khác do vậy giảm sự nóng lên của trái đất.
- Các NMTĐ trực thuộc VPD vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa, xả lũ theo dòng chảy tự nhiên đến hồ không gây lũ đột xuất cho hạ du, làm giảm tối đa tác động của lũ cho vùng hạ du.



CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Do đặc thù Công ty là đơn vị sản xuất thủy điện, do đó nguồn nguyên liệu chính để sản xuất là nước. Cụ thể trong năm 2023, lượng nước tiêu thụ để sản xuất điện năng của Công ty như sau:

- Nguồn cung cấp nước: Hồ chứa Khe Bó - Sông Lam - huyện Tương Dương - tỉnh Nghệ An; Hồ chứa Bắc Bình - Sông Lũy - huyện Bắc Bình - tỉnh Bình Thuận; Suối Nậm Má - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang.
- Lượng nước sử dụng/năm:

Đơn vị sử dụng	Khối lượng sử dụng
Nhà máy thủy điện Khe Bó	6028,3 x 10 ⁶ m ³
Nhà máy thủy điện Bắc Bình	665,4 x 10 ⁶ m ³
Trạm thủy điện Nậm Má	76,5 x 10 ⁶ m ³
Tổng cộng	6770,2 x 10⁶ m³

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp

Đơn vị sử dụng	Khối lượng sử dụng
Nhà máy thủy điện Khe Bó	2,25 x 10 ⁶ kWh
Nhà máy thủy điện Bắc Bình	1,5 x 10 ⁶ kWh
Nhà máy thủy điện Nậm Má	0,11 x 10 ⁶ kWh
Tổng cộng	3,865 x 10⁶ kWh

Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: Không có

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Ý thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, Công ty luôn chấp hành đúng, đủ các quy định về bảo vệ môi trường (Nộp thuế môi trường rừng, thuế tài nguyên nước, thực hiện đúng các quy định về an toàn đập, quy trình vận hành hồ chứa, an toàn cháy nổ....), cũng như đảm bảo môi trường sản xuất an toàn, xanh sạch.

Trong năm 2023, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường cũng như cố gắng tham gia các hoạt động của cộng đồng địa phương, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Cụ thể trong năm 2023, Công ty đã thực hiện như sau:

- Nộp thuế tài nguyên nước: 44.947.460.563 đồng
- Nộp phí dịch vụ môi trường rừng: 16.909.890.768 đồng
- Quyền khai thác nước mặt: 6.616.789.000 đồng
- Xây dựng các khu Tái định cư: 58.557.140 đồng
- Tham gia các hoạt động vì cộng đồng do địa phương tổ chức: 277.000.000 đồng.

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lao động bình quân trong năm: 122 lao động (bao gồm cả người Quản lý chuyên trách tại Công ty).

Năm	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023 (Kế hoạch)	Năm 2023 (Thực hiện)
Quỹ tiền lương	33.195.418.000	32.333.320.000	32.902.176.000	33.900.984.000
Tiền lương bình quân (triệu đồng/ người/ tháng)	22,86	23,03	23,20	24,15
Thu nhập bình quân (triệu đồng/ người/ tháng)	25,25	26,15	26,38	27,02

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty đã ban hành một số các quy trình, quy định có liên quan đến việc đảm bảo sửa chữa, an toàn và phúc lợi của người lao động như: Quy định về an toàn vệ sinh lao động, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy định về thực hành tốt 5S... Ngoài ra Công ty còn duy trì hàng năm việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động khối văn phòng 1 lần/năm, khối trực tiếp sản xuất là 02 lần/năm, trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân và nhân viên vận hành tại các Nhà máy và công trường, thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo, phổ biến các quy định về an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ....;
- Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu nhằm khuyến khích người lao động, nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động có chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty.

Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên;
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Năm 2023 vừa qua, Công ty đã bố trí cho các CBCNV tham gia các khóa đào tạo dài hạn như: Đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Kế toán, kiểm toán và phân tích. Đối với các khóa đào tạo ngắn hạn, Công ty đã cho các CBCNV tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do EVN, EVNGENCO1 và một số cơ quan có liên quan tổ chức, cụ thể như sau: Đào tạo CBQL cấp 3, cấp 4; Đào tạo nhận thức CĐS; Đào tạo công tác bảo vệ môi trường; Đào tạo công tác lập và giao nộp hồ sơ công việc; Đào tạo nghiệp vụ đấu thầu; Đào tạo nhận thức chung và đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn ISO 17025:2017; Đào tạo Nghiệp vụ Văn thư – Lưu trữ; Đào tạo chuyên sâu về Hệ thống quản lý đào tạo trong doanh nghiệp; Đào tạo an toàn thông tin; Tập huấn rà soát thanh, kiểm tra thuế tại doanh nghiệp, kỹ năng xử lý các tình huống; ...



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023

Tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
Tầng 2 – CT2 – 286 Nguyễn Xiển, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Đạo	Chủ tịch HĐQT	
Ông Ngô Quốc Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Nguyễn Văn Khóa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Đỗ Đức Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Đăng Khương	Thành viên	
Ông Yoshiyuki Ueda	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Hiroshi Hashiuchi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023 Miễn nhiệm ngày 04/12/2023 Bổ nhiệm ngày 04/12/2023
Ông Naruomi Samejima	Thành viên	
Ông Trần Văn Đước	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Nguyễn Loan	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023

Ban Kiểm soát

Bà Lê Mai Hạnh	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên	
Ông Trần Tấn Nhật	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023
Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	
Ông Masahiro Yamaguchi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Ngô Quốc Huy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Phạm Đình Lê	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023
Ông Nguyễn Tùng Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2023
Bà Bùi Thị Thu Trang	Trưởng phòng TCKT	Bổ nhiệm ngày 01/01/2023

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Quốc Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Số: 257/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 41 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 07/3/2023.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Minh Thắng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		253.332.124.339	290.070.023.007
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	49.681.302.435	103.119.419.811
Tiền	111		24.681.302.435	11.209.419.811
Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	91.910.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.125.079.062	185.510.785.136
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	195.088.244.964	178.092.673.397
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	6.565.027.976	5.921.229.067
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.407.032.370	1.693.889.205
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(935.226.248)	(197.006.533)
Hàng tồn kho	140		1.348.129.884	1.289.636.577
Hàng tồn kho	141	10	1.348.129.884	1.289.636.577
Tài sản ngắn hạn khác	150		177.612.958	150.181.483
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	168.732.720	149.703.419
Thuế GTGT được khấu trừ	152		478.064	478.064
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	8.402.174	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.563.472.870.761	1.715.715.922.789
Tài sản cố định	220		1.525.297.750.480	1.681.072.830.347
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.519.880.610.101	1.675.795.328.285
- Nguyên giá	222		3.512.786.696.505	3.508.943.147.773
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.992.906.086.404)	(1.833.147.819.488)
Tài sản cố định vô hình	227	13	5.417.140.379	5.277.502.062
- Nguyên giá	228		6.871.318.875	6.467.278.173
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.454.178.496)	(1.189.776.111)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.548.474.001	539.094.383
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	2.548.474.001	539.094.383
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.950.000.000	1.950.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	14	1.950.000.000	1.950.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		33.676.646.280	32.153.998.059
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	5.137.810.784	3.362.131.446
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11	28.538.835.496	28.791.866.613
TỔNG TÀI SẢN	270		1.816.804.995.100	2.005.785.945.796

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		248.536.968.652	472.935.086.759
Nợ ngắn hạn	310		169.776.580.901	313.174.699.004
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	9.649.470.558	15.126.493.858
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		102.460.000	102.460.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	18.571.435.120	24.096.216.341
Phải trả người lao động	314		6.110.892.085	8.139.687.968
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	10.634.889.874	13.599.813.772
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	31.002.178.594	31.325.582.395
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	89.166.666.671	220.451.090.007
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.538.587.999	333.354.663
Nợ dài hạn	330		78.760.387.751	159.760.387.755
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	78.760.387.751	159.760.387.755
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.568.268.026.448	1.532.850.859.037
Vốn chủ sở hữu	410	20	1.568.268.026.448	1.532.850.859.037
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.065.896.290.000	1.065.896.290.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.065.896.290.000	1.065.896.290.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.963.476.440	2.963.476.440
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.760.567.812	9.119.370.903
Quỹ đầu tư phát triển	418		62.629.573.071	66.270.769.980
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		424.018.119.125	388.600.951.714
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		233.518.613.740	104.581.724.233
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		190.499.505.385	284.019.227.481
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.816.804.995.100	2.005.785.945.796

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Hà

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Ngô Quốc Huy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	541.884.685.591	681.347.518.319
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		541.884.685.591	681.347.518.319
Giá vốn hàng bán	11	23	262.821.661.412	278.842.120.517
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		279.063.024.179	402.505.397.802
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.567.980.159	2.257.911.972
Chi phí tài chính	22	25	25.056.653.158	48.617.637.325
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.991.446.426	46.999.843.125
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	36.756.232.193	37.477.231.223
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		218.818.118.987	318.668.441.226
Thu nhập khác	31	27	1.227.307.756	13.728.254.093
Chi phí khác	32	28	24.032.985	2.313.017.058
Lợi nhuận khác	40		1.203.274.771	11.415.237.035
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		220.021.393.758	330.083.678.261
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	29.521.888.373	46.064.450.780
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		190.499.505.385	284.019.227.481
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.787	2.508
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	1.787	2.508

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hà

Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu Trang



Người lập biểu

Ngô Quốc Huy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		572.347.013.750	638.055.471.582
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(22.696.799.265)	(18.317.041.102)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(40.666.848.553)	(36.288.769.376)
Tiền lãi vay đã trả	4		(25.982.446.557)	(52.246.734.138)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(33.342.225.444)	(45.007.853.566)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.440.604.463	5.032.925.767
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(151.032.480.003)	(162.089.207.993)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		300.066.818.391	329.138.791.174
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.524.860.047)	(6.518.846.421)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.618.025.500	2.404.366.774
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.906.834.547)	(4.114.479.647)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(212.833.333.337)	(231.000.000.004)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(136.764.670.683)	(104.314.124.962)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(349.598.004.020)	(335.314.124.966)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(53.438.020.176)	(10.289.813.439)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	103.119.419.811	113.408.131.650
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(97.200)	1.101.600
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	49.681.302.435	103.119.419.811

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hà

Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu Trang



Người lập biểu

Ngô Quốc Huy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam, (sau đây được gọi là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101264520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 03/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 13/12/2023.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Tầng 2 – CT2 – 286 Nguyễn Xiển, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2023 là 1.065.896.290.000 đồng; tương đương 106.589.629 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 124 người (tại ngày 31/12/2022 là 120 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, phân phối, bán điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện làm việc ở môi trường không nguy hiểm về khí cháy và bụi nổ, có cấp điện áp từ 01kV đến 220kV.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong năm 2023, do tình hình thủy văn nên lưu lượng nước về các hồ thủy điện của Công ty giảm. Điều này dẫn đến sản lượng điện giảm so với năm trước làm cho doanh thu giảm 139.462.832.728 đồng tương ứng giảm 20,47%. Trong khi đó, do đặc thù của hoạt động thủy điện, chi phí cố định như chi phí khấu hao chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí nên giá vốn chỉ giảm so với năm trước là 16.020.459.105 đồng. Các yếu tố trên là nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế giảm từ 284.019.227.481 đồng năm trước xuống còn 190.499.505.385 đồng năm nay.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Công ty (bao gồm cả Nhà máy Thủy điện Nậm Mả)	Hà Nội	Sản xuất – bán điện
Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	Bình Thuận	Sản xuất điện năng
Nhà máy Thủy điện Khe Bô	Nghệ An	Sản xuất điện năng
Trung tâm Tư vấn Thiết kế	Hà Nội	Tư vấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Chi nhánh đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Trung tâm tư vấn thiết kế là chi phí phát sinh tương ứng với khối lượng công việc tư vấn đã cung cấp nhưng chưa được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Công ty đã thực hiện tạm tăng nguyên giá TSCĐ của Nhà máy Thủy điện Khe Bó đối với các tài sản đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2013 theo dự toán được phê duyệt. Năm 2018, trên cơ sở ý kiến của Kiểm toán Nhà nước và hướng dẫn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Văn bản số 706/EVN-TCKT ngày 09/02/2018, Công ty thực hiện điều chỉnh nguyên giá các tài sản cố định tại nhà máy này theo chi phí đầu tư XD/CB thực tế bao gồm cả giá trị bồi thường, di dân và tái định cư đã thực hiện nhưng chưa nghiệm thu theo khối lượng thi công thực tế của từng hạng mục.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 46,4
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
- Thiết bị văn phòng	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất, chương trình phần mềm và các TSCĐ vô hình khác.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất (46,4 – 66 năm), quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm và các tài sản cố định vô hình khác

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm và các TSCĐ vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ như sau: (i) Phân bổ dần vào chi phí trong kỳ nhưng tối đa không quá 3 năm đối với những tài sản có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên; (ii) Ghi nhận toàn bộ một lần vào chi phí SXKD trong kỳ đối với những tài sản có giá trị dưới 30 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác của Công ty bao gồm chi phí như cấp phép khai thác sử dụng nước mặt, chi phí kiểm định an toàn đập,... theo thời hạn cụ thể được quy định.

3.13 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay, chi phí di dân và tái định cư, chi phí an toàn điện và các chi phí phải trả khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

3.16 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.16 CHI PHÍ ĐI VAY (TIẾP)**

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và phải có thông báo chi trả cổ tức của Công ty cùng với Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá,...

3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚCThuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện Tổng Giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Văn bản số 68170/CT-HTr ngày 21/10/2015 của Cục thuế Thành phố Hà Nội, thu nhập tính thuế tại Nhà máy Thủy điện Khe Bô được miễn thuế trong năm 2015 và 2016, được giảm 50% thuế trong 7 năm tiếp theo hoặc miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Luật số 32/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015. Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức ưu đãi miễn thuế 2 năm và được giảm 50% thuế trong 7 năm tiếp theo; năm 2023 là năm thứ 7 Công ty được giảm 50% thuế TNDN.

Việc miễn, giảm thuế TNDN nêu trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác. Các khoản thu nhập khác chịu mức thuế suất phổ thông 20%.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.21 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.22 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không phải lập Báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Tầng 2 – CT2 – 286 Nguyễn Xiển,
xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09/DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	409.170.100	434.547.117
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.272.132.335	10.774.872.694
- Các khoản tương đương tiền (*)	25.000.000.000	91.910.000.000
Cộng	49.681.302.435	103.119.419.811

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngọc Khánh Hà Nội và Chi nhánh Tây Hồ với tổng giá trị 25.000.000.000 đồng, lãi suất 2,3%/năm.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	168.732.720	149.703.419
- Chi phí bảo hiểm	168.732.720	149.703.419
b) Dài hạn	5.137.810.784	3.362.131.446
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	986.160.910
- Quyền sử dụng đất có thời hạn trả tiền 01 lần (*)	787.011.071	807.234.051
- Phí khai thác sử dụng mặt nước	1.122.913.265	1.287.144.210
- Các khoản khác	3.227.886.448	281.592.275
Cộng	5.306.543.504	3.511.834.865

(*) Chi phí sử dụng đất trả tiền một lần tại Nhà máy Thủy điện Bắc Bình có thời hạn 66 năm kể từ năm 2010, với diện tích sử dụng là 14.141 m².

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.548.474.001	539.094.383
- Hạng mục xử lý gia cố hạ lưu bờ trái - Nhà máy Thủy điện Khe Bó	2.218.444.392	539.094.383
- Công trình khác	330.029.609	-
Cộng	2.548.474.001	539.094.383

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Tầng 2 – CT2 – 286 Nguyễn Xiển, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	195.088.244.964	-	178.092.673.397	-
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	193.429.908.479	-	176.535.560.312	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	1.618.013.935	-	1.510.385.212	-
- Các đối tượng khác	40.322.550	-	46.727.873	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	195.088.244.964	-	178.092.673.397	-

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	6.565.027.976	(935.226.248)	5.921.229.067	(197.006.533)
- Hội đồng bồi thường, GPMB huyện Tương Dương (*)	544.553.335	-	544.553.335	-
- Các khoản trả trước liên quan đến Ban quản lý Dự án bồi thường, di dân và tái định cư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó (**)	5.325.148.908	(738.219.715)	5.149.422.533	-
- Trả trước cho người bán khác	695.325.733	(197.006.533)	227.253.199	(197.006.533)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.565.027.976	(935.226.248)	5.921.229.067	(197.006.533)

(*) Là khoản kinh phí hoạt động phục vụ công tác bồi thường GPMB dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó của Hội đồng bồi thường, GPMB huyện Tương Dương theo Hợp đồng số 18/2007/HDXD-VNPD ngày 20/08/2017 trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2020 chưa được quyết toán.

(**) Là các khoản trả trước liên quan đến Ban quản lý Dự án bồi thường, di dân và tái định cư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó chưa được quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	1.407.032.370	-	1.693.889.205	-
- Tạm ứng	648.687.076	-	212.740.000	-
- Phải thu khác	758.345.294	-	1.481.149.205	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.407.032.370	-	1.693.889.205	-

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	910.515.520	-	863.876.507	-
Công cụ, dụng cụ	160.491.376	-	150.297.082	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	277.122.988	-	275.462.988	-
Cộng	1.348.129.884	-	1.289.636.577	-

11. THIẾT BỊ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Thủy điện Khe Bó	25.408.883.951	-	25.659.155.626	-
Thiết bị, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	3.129.951.545	-	3.132.710.987	-
Cộng	28.538.835.496	-	28.791.866.613	-

22

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Tầng 2 – CT2 – 286 Nguyễn Xiển, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
01/01/2023	1.840.742.962.493	1.651.641.842.982	11.709.896.471	4.848.445.827	3.508.943.147.773
- Mua trong năm	-	-	2.735.740.908	-	2.735.740.908
- Đầu tư XDCB hoàn thành	925.236.293	182.571.531	-	-	1.107.807.824
31/12/2023	1.841.668.198.786	1.651.824.414.513	14.445.637.379	4.848.445.827	3.512.786.696.505

HAO MÓN LŨY KẾ

01/01/2023	(825.049.104.334)	(995.348.870.550)	(8.925.013.757)	(3.824.830.847)	(1.833.147.819.488)
- Khấu hao trong năm	(78.799.567.342)	(79.839.366.250)	(735.322.672)	(384.010.652)	(159.758.266.916)
31/12/2023	(903.848.671.676)	(1.075.188.236.800)	(9.660.336.429)	(4.208.841.499)	(1.992.906.086.404)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

01/01/2023	1.015.693.858.159	656.292.972.432	2.784.882.714	1.023.614.980	1.675.795.328.285
31/12/2023	937.819.527.110	576.636.177.713	4.785.300.950	639.604.328	1.519.880.610.101

- Trong đó, bao gồm giá trị các hạng mục tài định cư công trình Nhà máy Thủy điện Khe Bó nhà thầu không xuất được hoá đơn do đã giải thể, đóng mã số thuế, không liên lạc được,... nhưng thực tế đã hoàn thành và đã được phê duyệt quyết toán là 6.558.613.879 đồng, giá trị khấu hao tương ứng của các hạng mục này trong năm là 611.569.572 đồng. Chi phí khấu hao này đã được loại trừ khỏi chi phí tính Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thử hình đã dùng thử chấp, cảm có đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 1.386.893.957.831 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 1.671.507.788.455 đồng);

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 285.304.726.094 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 238.961.274.353 đồng);

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2023 là 35.800.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 35.800.000 đồng).

23

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUỒN GIÁ	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
01/01/2023	5.684.472.483	690.991.100	91.814.590	6.467.278.173
- Mua trong năm	-	404.040.702	-	404.040.702
31/12/2023	5.684.472.483	1.095.031.802	91.814.590	6.871.318.875
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
01/01/2023	(805.540.355)	(292.421.166)	(91.814.590)	(1.189.776.111)
- Khấu hao trong năm	(87.238.260)	(177.164.125)	-	(264.402.385)
31/12/2023	(892.778.615)	(469.585.291)	(91.814.590)	(1.454.178.496)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2023	4.878.932.128	398.569.934	-	5.277.502.062
31/12/2023	4.791.693.868	625.446.511	-	5.417.140.379

Quyền sử dụng đất tại Nhà máy Thủy điện Bắc Bình, Nhà máy Thủy điện Khe Bó và Hà Nội được sử dụng xây dựng Nhà điều hành, Nhà máy thủy điện.

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thể chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 1.603.928.565 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 4.878.932.128 đồng);

- Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 195.793.644 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 254.133.894 đồng);

24

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	1.950.000.000	-	(*) 1.950.000.000	- (*)
Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn	1.950.000.000	-	(*) 1.950.000.000	- (*)
Cộng	1.950.000.000	-	(*) 1.950.000.000	- (*)

Giá trị khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn có trụ sở tại xã Hương Lạc, huyện Lạc Giang, tỉnh Bắc Giang với tỷ lệ ích và quyền biểu quyết tương ứng là 11,6%, hoạt động chính là sản xuất điện năng. Khoản đầu tư này không có dấu hiệu tồn thất, vì thế Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

(*) Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	9.649.470.558	9.649.470.558	15.126.493.858	15.126.493.858
- Liên doanh CTCP Tư vấn Xây dựng & Thương mại Vĩnh Phát và Công ty TNHH Công nghệ Ontida	-	-	1.050.575.616	1.050.575.616
- Công ty CP 495	580.974.101	580.974.101	580.974.101	580.974.101
- Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế Xây dựng Điện 1	534.288.476	534.288.476	534.288.476	534.288.476
- Các đối tượng khác	8.534.207.981	8.534.207.981	12.960.655.665	12.960.655.665
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	9.649.470.558	9.649.470.558	15.126.493.858	15.126.493.858

25

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Số phải nộp trong năm thực nộp/khấu trừ trong năm		Số đã 31/12/2023	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp						
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.467.088.017	45.373.593.091	46.354.066.000	1.486.615.108		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.458.316.256	29.521.888.373	33.342.225.444	9.637.979.185		
- Thuế thu nhập cá nhân	717.928.485	3.487.491.024	3.862.073.997	343.345.512		
- Thuế tài nguyên	2.856.212.171	44.947.460.566	45.276.782.470	2.526.890.267		
- Các loại thuế khác	-	6.619.789.000	6.619.789.000	-		
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.596.671.412	16.914.452.610	16.934.518.974	4.576.605.048		
Cộng	24.096.216.341	146.864.674.664	152.389.455.885	18.571.435.120		

	01/01/2023		Số phải nộp trong năm thực nộp/khấu trừ trong năm		Số đã 31/12/2023	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu						
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	22.308.885	30.711.059	8.402.174		
Cộng	-	22.308.885	30.711.059	8.402.174		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Tầng 2 – CT2 – 286 Nguyễn Xiển, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MẪU SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2023		01/01/2023		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn	89.166.666.671	89.166.666.671	89.715.576.668	221.000.000.004	220.451.090.007	220.451.090.007
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	89.166.666.671	89.166.666.671	89.166.666.671	81.000.000.004	81.000.000.004	81.000.000.004
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Quảng Ninh (1)	-	-	-	19.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Tây Hồ (2)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội (3)	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Thanh Xuân (4)	-	-	-	26.000.000.004	26.000.000.004	26.000.000.004
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Ngọc Khánh Hà Nội (5)	59.166.666.671	59.166.666.671	59.166.666.671	-	-	-
Trái phiếu thường	-	-	548.909.997	140.000.000.000	139.451.090.003	139.451.090.003
- Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	548.909.997	140.000.000.000	139.451.090.003	139.451.090.003
Vay dài hạn	78.760.387.751	78.760.387.751	133.560.387.757	214.560.387.761	159.760.387.755	159.760.387.755
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Quảng Ninh (1)	-	-	-	58.000.000.000	58.000.000.000	58.000.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Tây Hồ (2)	19.200.000.000	19.200.000.000	-	30.000.000.000	49.200.000.000	49.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội (3)	-	-	-	11.393.721.102	11.393.721.102	11.393.721.102
- Ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Thanh Xuân (4)	-	-	-	41.166.666.653	41.166.666.653	41.166.666.653
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Ngọc Khánh Hà Nội (5)	59.560.387.751	59.560.387.751	133.560.387.757	74.000.000.006	-	-
Cộng	167.927.054.422	167.927.054.422	223.275.964.425	435.560.387.765	380.211.477.762	380.211.477.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Quảng Ninh theo Hợp đồng tín dụng số 5471/16/TD-TT/X.4 ngày 12/01/2017, với các điều khoản sau đây:
- Số tiền vay: 160.000.000.000 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán các chi phí để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó;
 - Thời hạn vay: 10 năm kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên;
 - Lãi suất: 9,2%/năm trong 12 tháng đầu tiên và sau đó áp dụng lãi suất cơ sở + biên độ 2,8%/năm;
 - Biện pháp bảo đảm: Thế chấp một phần tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó;
 - Khoản vay này đã được chuyển nợ sang Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Ngọc Khánh Hà Nội theo Hợp đồng mua nợ số 01/2023/7757730/HĐMN-ABB-BIDV ngày 23/10/2023.
- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ theo Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7757730/HĐTD ngày 26/08/2015, với các điều khoản sau đây:
- Số tiền vay: 249.000.000.000 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn: Cho vay tài trợ Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó để trả nợ cho dư nợ gốc của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội;
 - Thời hạn vay: 10 năm kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên;
 - Lãi suất: Lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng/lần;
 - Biện pháp bảo đảm: Thế chấp một phần của toàn bộ tài sản thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 93-21.08.15/HĐTD/TPBANK.THN ngày 03/12/2015, với các điều khoản sau đây:
- Số tiền vay: 55.642.494.748 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán cho xác nhà thầu thi công đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó;
 - Thời hạn vay: đến hết năm 2025;
 - Lãi suất: Lãi suất quy định tại văn bản nhận nợ;
 - Biện pháp bảo đảm: Thế chấp một phần của toàn bộ tài sản thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó;
 - Khoản vay này đã được tái tài trợ theo Hợp đồng tín dụng số 01.TP/2023/7757730/HĐTD ngày 19/07/2023.
- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng cho vay số 0907-EVN/2020/HĐCV ngày 20/07/2020, với các điều khoản sau đây:
- Số tiền vay: 130.000.000.000 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn: Bù đắp vốn tự có của chủ đầu tư đã đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó;
 - Thời hạn vay: tối đa 60 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại Giấy nhận nợ;
 - Biện pháp bảo đảm: Không có tài sản bảo đảm;
 - Khoản vay này đã được tái tài trợ theo Hợp đồng tín dụng 02.MSB/2023/7757730/HĐTD ngày 19/07/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Ngọc Khánh Hà Nội với các hợp đồng sau:
- (a) Hợp đồng tín dụng số 01.TP/2023/7757730/HĐTD ngày 19/07/2023, với các điều khoản sau đây:
- Số tiền vay: 15.393.721.102 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn: Cho vay để trả nợ trước hạn toàn bộ dư nợ gốc khoản vay đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Tây Hà Nội;
 - Thời hạn vay: đến ngày 31/12/2025;
 - Lãi suất cho vay: 7,69%/năm (được áp dụng đến ngày 30/04/2024) và sau đó áp dụng lãi suất cơ sở + biên độ 2,8%/năm;
 - Biện pháp bảo đảm: Thế chấp một phần của toàn bộ tài sản thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó.
- (b) Hợp đồng tín dụng số 02.MSB/2023/7757730/HĐTD ngày 19/07/2023, với các điều khoản sau đây:
- Số tiền vay: 54.166.666.665 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn: Cho vay để trả nợ trước hạn toàn bộ dư nợ gốc khoản vay đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân;
 - Thời hạn vay: đến ngày 20/07/2025;
 - Lãi suất cho vay: 7,69%/năm (được áp dụng đến ngày 29/02/2024) và sau đó áp dụng lãi suất cơ sở + biên độ 2,8%/năm;
 - Biện pháp bảo đảm: Thế chấp một phần của toàn bộ tài sản thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó.
- (c) Hợp đồng mua nợ số 01/2023/7757730/HĐMN-ABB-BIDV ngày 23/10/2023, với các điều khoản sau đây:
- Số tiền vay: 64.000.000.000 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán các chi phí để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó;
 - Thời hạn vay: 10 năm;
 - Lãi suất cho vay: 6,4%/năm (được áp dụng đến ngày 31/08/2024) và sau đó áp dụng lãi suất cơ sở + biên độ 2,8%/năm;
 - Biện pháp bảo đảm: Thế chấp một phần của toàn bộ tài sản thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	10.634.889.874	13.599.813.772
- Chi phí lãi vay	474.263.900	2.465.264.031
- Chi phí di dân và tái định cư dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó (*)	8.233.907.516	8.233.907.516
- Chi phí chế độ an toàn điện	1.755.332.283	2.625.713.046
- Chi phí phải trả khác	171.386.175	274.929.179
b) Dài hạn	-	-
Cộng	10.634.889.874	13.599.813.772

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

(*) Theo hướng dẫn tại Văn bản số 706/EVN-TCKT ngày 09/02/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty thực hiện trích trước chi phí bồi thường, di dân và tái định cư đã hoàn thành nhưng chưa được nghiệm thu khối lượng để tạm tăng giá trị tài sản cố định đối với Nhà máy Thủy điện Khe Bó. Cơ sở trích trước dựa trên các hồ sơ phê duyệt quyết toán đền bù, biên bản kiểm tra hiện trường xác nhận khối lượng thi công, các hồ sơ ký kết và đánh giá kỹ thuật với nhà thầu. Tại ngày 31/12/2023, số dư còn lại của khoản chi phí trích trước này là chi phí xây dựng khu tái định cư dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó chưa được nghiệm thu quyết toán.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	31.002.178.594	31.325.582.395
- Kinh phí công đoàn	82.331.273	80.273.481
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.097.800	4.898.211
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.915.749.521	31.240.410.703
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	29.844.759.262	28.042.912.245
+ Thù lao phải trả cho thành viên HĐQT, BKS chuyên trách và không chuyên trách	399.707.782	775.890.112
+ Phải trả, phải nộp khác	671.282.477	2.421.608.346
b) Dài hạn	-	-
Cộng	31.002.178.594	31.325.582.395

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Tầng 2 – CT2 – 286 Nguyễn Xiển, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	VND		VND		VND		VND	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2022	1.065.896.290.000	2.963.476.440	7.731.336.780	67.658.804.103	220.106.005.983	1.364.355.913.306		
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	284.019.227.481	284.019.227.481		
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(115.524.281.750)	(115.524.281.750)		
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và Ban điều hành	-	-	-	-	(8.934.652.750)	(8.934.652.750)		
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	(106.589.629.000)	(106.589.629.000)		
- Đầu tư TSCĐ từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.388.034.123	(1.388.034.123)	-	-		
31/12/2022	1.065.896.290.000	2.963.476.440	9.119.370.903	66.270.769.980	388.600.951.714	1.532.850.859.037		
01/01/2023	1.065.896.290.000	2.963.476.440	9.119.370.903	66.270.769.980	388.600.951.714	1.532.850.859.037		
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	190.499.505.385	190.499.505.385		
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(155.233.315.323)	(155.233.315.323)		
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và Ban điều hành (*)	-	-	-	-	(16.666.797.623)	(16.666.797.623)		
+ Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	(138.566.517.700)	(138.566.517.700)		
- Đầu tư TSCĐ từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.641.196.909	(3.641.196.909)	-	-		
- Hoàn nhập từ quỹ khen thưởng trích thừa các năm trước (***)	-	-	-	-	150.977.349	150.977.349		
31/12/2023	1.065.896.290.000	2.963.476.440	12.760.567.812	62.629.573.071	424.018.119.125	1.568.268.026.448		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

(*) Phân phối lợi nhuận theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam ngày 24/05/2023.

(**) Ghi nhận cổ tức phải trả theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số C435/2022-VPD/VSD-ĐK ngày 05/10/2023 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập.

(***) Hoàn nhập quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành trích thừa các năm 2013, 2017, 2018 theo Văn bản số 838/VNPD-VP.HĐQT ngày 30/05/2023.

20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
- Tổng Công ty Phát điện 1	390.622.360.000	36,65%	390.622.360.000	36,65%
- Công đoàn Điện lực Việt Nam	34.611.010.000	3,25%	34.611.010.000	3,25%
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	113.116.570.000	10,61%	113.116.570.000	10,61%
- Tepco Renewable Power Singapore PTE. LTD	266.000.000.000	24,96%	266.000.000.000	24,96%
- Vốn góp của các cổ đông khác	261.546.350.000	24,53%	261.546.350.000	24,53%
Cộng	1.065.896.290.000	100,00%	1.065.896.290.000	100,00%

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.065.896.290.000	1.065.896.290.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	1.065.896.290.000	1.065.896.290.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	138.566.517.700	106.589.629.000

20.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	106.589.629	106.589.629
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	106.589.629	106.589.629
+ Cổ phiếu phổ thông	106.589.629	106.589.629
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	106.589.629	106.589.629
+ Cổ phiếu phổ thông	106.589.629	106.589.629
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**20.5 CÁC QUỸ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	62.629.573.071	66.270.769.980

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**21.1 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất sau:

Tên khu đất	Văn bản pháp lý	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn
Nhà máy Thủy điện Bắc Bình, xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND tỉnh Bình Thuận cấp	13.694,90	Xây dựng văn phòng làm việc	Thời hạn sử dụng đến hết ngày 19/02/2064. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
Nhà máy Thủy điện Bắc Bình, xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND tỉnh Bình Thuận cấp	725.969,90	Xây dựng văn phòng làm việc, nhà máy thủy điện	Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/02/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
Nhà máy Thủy điện Khe Bó, xã Tam Quang, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND tỉnh Nghệ An cấp	673.497,00	Xây dựng nhà máy thủy điện	Thời hạn sử dụng đến 08/08/2057. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
Nhà máy Thủy điện Nậm Má, xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, và tài sản gắn liền với đất số BĐ 132604 do UBND tỉnh Hà Giang cấp	77.690,00	Xây dựng nhà máy thủy điện	Thời hạn sử dụng đến 14/07/2058. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

21.2 NGOẠI TỆ

	31/12/2023	01/01/2023
Dollar Mỹ (USD)	1.620,00	1.620,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a) Doanh thu bán điện thương phẩm	541.884.685.591	681.058.185.219
- Nhà máy Thủy điện Nậm Má	14.180.417.525	16.548.415.957
- Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	124.282.390.156	172.812.856.168
- Nhà máy Thủy điện Khe Bó	403.421.877.910	491.696.913.094
b) Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	289.333.100
- Dịch vụ vận hành và sửa chữa	-	289.333.100
Cộng	541.884.685.591	681.347.518.319

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a) Giá vốn của bán điện thương phẩm	262.821.661.412	278.561.467.410
- Nhà máy Thủy điện Nậm Má	8.333.118.236	8.974.084.833
- Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	47.556.848.895	51.881.937.537
- Nhà máy Thủy điện Khe Bó	206.931.694.281	217.705.445.040
b) Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	280.653.107
- Giá vốn dịch vụ vận hành và sửa chữa	-	280.653.107
Cộng	262.821.661.412	278.842.120.517

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.371.570.759	2.119.646.172
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	195.000.000	136.500.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.409.400	1.765.800
Cộng	1.567.980.159	2.257.911.972

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	23.991.446.426	46.999.843.125
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	162.000	664.200
- Chi phí phát hành trái phiếu	548.909.997	1.617.110.000
- Chi phí tài chính khác	516.134.735	20.000
Cộng	25.056.653.158	48.617.637.325

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	21.729.748.508	20.810.024.543
- Chi phí vật liệu quản lý	662.989.451	717.341.907
- Chi phí đồ dùng văn phòng	577.093.493	1.605.583.012
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	3.226.955.236	5.695.682.283
- Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	489.910.395	140.154.586
- Thuế, phí và lệ phí	175.641.071	120.356.139
- Chi phí dự phòng	738.219.715	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.237.332.965	2.005.321.031
- Chi phí bằng tiền khác	6.918.341.359	6.382.767.722
Cộng	36.756.232.193	37.477.231.223

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Thu nhập bán chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính	-	5.032.925.767
- Thu nhập từ nhập lại kho phụ tùng sửa chữa sau kiểm kê	-	8.612.712.058
- Các khoản khác	1.227.307.756	82.616.268
Cộng	1.227.307.756	13.728.254.093

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Truy thu, phạt chậm nộp thuế, phạt hành chính	24.032.985	703.802.762
- Chi ủng hộ bảo lụt	-	805.000.000
- Các khoản chi phí khác	-	804.214.296
Cộng	24.032.985	2.313.017.058

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	1.198.193.616	1.052.515.285
- Chi phí nhân công	45.892.159.299	44.033.378.740
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	901.599.665	2.386.721.188
- Khấu hao tài sản cố định	160.081.009.551	164.979.836.756
- Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	4.868.815.545	9.178.984.876
- Thuế, phí và lệ phí	68.749.471.340	78.829.629.925
- Chi phí dự phòng	738.219.715	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.309.349.378	6.897.167.036
- Chi phí bằng tiền khác	9.840.735.496	8.964.373.752
Cộng	299.579.553.605	316.322.607.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	220.021.393.758	330.083.678.261
* Lợi nhuận kế toán trước thuế hưởng ưu đãi 50% thuế TNDN tại Nhà máy Khe Bô	146.612.809.942	204.931.165.703
Các khoản chi phí không được khấu trừ	866.809.310	658.688.175
- Khấu hao TSCĐ của tài sản không có hóa đơn hợp lệ	611.569.572	653.812.479
- Các khoản không được trừ khác	255.239.738	4.875.696
Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	(8.612.712.058)
- Thu nhập từ nhập lại kho phụ tùng sửa chữa sau kiểm kê của NM Thủy điện Khe Bô	-	(8.612.712.058)
Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi 50% thuế TNDN	147.479.619.252	196.977.141.820
Chi phí thuế TNDN phát sinh tại nhà máy Khe Bô	14.747.961.925	19.697.714.182
* Lợi nhuận kế toán trước thuế theo thuế suất phổ thông (20%)	73.408.583.816	125.957.512.561
Các khoản chi phí không được khấu trừ	626.502.481	1.511.737.806
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	503.204.000	586.335.283
- Các khoản không được trừ khác	123.298.481	925.402.523
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(195.000.000)	(136.500.000)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế	(195.000.000)	(136.500.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN theo thuế suất phổ thông (20%)	73.840.086.297	127.332.750.367
Chi phí thuế TNDN trên thuế suất 20%	14.768.017.260	25.466.550.073
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước bổ sung	5.909.188	900.186.525
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	29.521.888.373	46.064.450.780

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	190.499.505.385	284.019.227.481
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(16.666.797.623)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	190.499.505.385	267.352.429.858
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	106.589.629	106.589.629
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.787	2.508

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được điều chỉnh lại do việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi đã được phê duyệt tại Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm ngày 24/05/2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được trình bày lại là 2.508 VND/Cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 2.665 VND/Cổ phiếu). Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.2.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.681.302.435	103.119.419.811
Phải thu khách hàng và phải thu khác	196.495.277.334	179.786.562.602
Cộng	246.176.579.769	282.905.982.413
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	167.927.054.422	380.211.477.762
Phải trả người bán và phải trả khác	40.651.649.152	46.452.076.253
Chi phí phải trả	10.634.889.874	13.599.813.772
Cộng	219.213.593.448	440.263.367.787
Trạng thái ròng	26.962.986.321	(157.357.385.374)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các loại công cụ tài chính (tiếp)

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo

Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2023			
Vay và nợ	89.166.666.671	78.760.387.751	167.927.054.422
Phải trả người bán và phải trả khác	40.651.649.152	-	40.651.649.152
Chi phí phải trả	10.634.889.874	-	10.634.889.874
Cộng	140.453.205.697	78.760.387.751	219.213.593.448
01/01/2023			
Vay và nợ	220.451.090.007	159.760.387.755	380.211.477.762
Phải trả người bán và phải trả khác	46.452.076.253	-	46.452.076.253
Chi phí phải trả	13.599.813.772	-	13.599.813.772
Cộng	280.502.980.032	159.760.387.755	440.263.367.787

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các loại công cụ tài chính (tiếp)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.681.302.435	-	49.681.302.435
Phải thu khách hàng và phải thu khác	196.495.277.334	-	196.495.277.334
Cộng	246.176.579.769	-	246.176.579.769
01/01/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.119.419.811	-	103.119.419.811
Phải thu khách hàng và phải thu khác	179.786.562.602	-	179.786.562.602
Cộng	282.905.982.413	-	282.905.982.413

34. THÔNG TIN KHÁC

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Phát điện 1	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Cổ đông lớn
- Tepco Renewable Power Singapore Pte. Ltd.	Cổ đông lớn
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Chủ sở hữu của Tổng Công ty Phát điện 1
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023, Công ty có giao dịch và số dư với các Bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng		
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	527.704.268.066	664.509.769.262
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	14.149.049.913	16.510.802.122

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng	195.047.922.414	178.045.945.524
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	193.429.908.479	176.535.560.312
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	1.618.013.935	1.510.385.212
Phải thu khác	271.680.000	244.512.000
- Tổng Công ty Phát điện 1	271.680.000	244.512.000

Thu nhập của các bên liên quan

Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam đã trình bày lại nội dung tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2022 để trình bày số liệu so sánh bao gồm các khoản lương, thưởng và thưởng an toàn điện như sau:

	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 trình bày lại VND
Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Hoàng Đạo	Chủ tịch HĐQT	754.540.898	757.328.528
Ông Đỗ Đức Hùng	Thành viên HĐQT	116.124.000	117.267.057
Ông Nguyễn Văn Khóa (Miễn nhiệm ngày 25/04/2023)	Thành viên HĐQT	38.708.000	117.267.057
Ông Nguyễn Văn Thịnh (Miễn nhiệm ngày 28/05/2022)	Thành viên HĐQT	-	48.861.274
Ông Nguyễn Đăng Khương	Thành viên HĐQT	116.124.000	68.405.783
Ông Trần Văn Đực	Thành viên HĐQT	116.124.000	117.267.057
Ông Nguyễn Hồng Sơn (Miễn nhiệm ngày 25/04/2023)	Thành viên HĐQT	38.708.000	117.267.057
Nguyễn Loan (Bổ nhiệm ngày 25/04/2023)	Thành viên HĐQT	77.416.000	-
Ông Yoshiyuki Ueda (Bổ nhiệm ngày 25/04/2023)	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Hiroshi Hashiuchi (Bổ nhiệm ngày 25/04/2023; Miễn nhiệm ngày 04/12/2023)	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Naruomi Samejima (Bổ nhiệm ngày 04/12/2023)	Thành viên HĐQT	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 trình bày lại VND
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát		
Lê Mai Hạnh	90.876.000	91.774.218
Nguyễn Minh Hải	580.632.000	586.335.283
Đinh Thị Diễm Quỳnh	87.096.000	87.950.292
Nguyễn Thị Tuyết (Miễn nhiệm ngày 28/5/2022)	-	36.645.955
Nguyễn Văn Hùng	87.096.000	51.304.337
Trần Tấn Nhật (Miễn nhiệm ngày 25/04/2023)	29.032.000	87.950.292
Ông Masahiro Yamaguchi (Bổ nhiệm ngày 25/04/2023)	-	-

Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 trình bày lại VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Thanh Tùng (Miễn nhiệm ngày 25/04/2023)	242.909.519	731.835.690
Ông Ngô Quốc Huy (Bổ nhiệm ngày 25/04/2023)	483.561.677	-
Phạm Đình Lê (Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023)	646.224.474	648.897.907
Nguyễn Tùng Phương (Bổ nhiệm ngày 01/01/2023)	642.838.432	594.682.596

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Hà

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Trang



Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Tổng giám đốc


Ngô Quốc Huy